

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHẦN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHẦN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23/5/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 16/4/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
(Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán số: 225/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 10 năm 2020)

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 2/10/2020 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (0269) 383 0013

Fax: (0269) 383 0013

Website: <http://ghc.vn/>

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CN TP.HCM

Địa chỉ: Lầu 1 và lầu 7, Tòa nhà Greenstar, 70 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 38 200 790

Fax: (028) 38 200 508

Website: <http://www.vCBS.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Bà NGUYỄN THỊ ĐIỀU

Điện thoại: (0269) 2222170

Chức vụ: Phụ trách Công bố thông tin

Fax: (0269)3830013

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23/5/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 16/4/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phần	:	Cổ phần Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
Mã cổ phiếu	:	GHC
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Giá chào bán	:	25.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán	:	10.250.000 cổ phần
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá)	:	102.500.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NĂM 2018, 2019

CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Lầu 8 Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38230796

Website: www.pwc.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 1 và Lầu 7, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38 208 790

Fax: (028) 38 200 508

Website: www.vcbs.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro kinh tế.....	6
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.....	6
1.2. Lãi suất.....	7
1.3. Lạm phát.....	7
2. Rủi ro về pháp luật.....	7
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	8
4. Rủi ro của Đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	8
4.1. Rủi ro của Đợt chào bán.....	8
4.2. Rủi ro của Dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	9
5. Rủi ro pha loãng.....	9
6. Rủi ro quản trị Công ty.....	12
7. Rủi ro khác.....	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	13
1. Tổ chức phát hành.....	13
2. Tổ chức tư vấn.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM/ĐỊNH NGHĨA/CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
1.1. Giới thiệu về Công ty.....	15
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển.....	17
1.3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty.....	17
2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn điều lệ thực góp hiện tại.....	19
3. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	19
3.1. Danh sách công ty mẹ của tổ chức phát hành.....	20
3.2. Danh sách những công ty con và công ty liên kết của tổ chức phát hành.....	20
4. Quá trình tăng vốn của Công ty.....	20
5. Hoạt động kinh doanh.....	22
5.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	22
5.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành.....	24
5.3 Hoạt động marketing.....	25

5.4	<i>Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền</i>	26
5.5	<i>Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết</i>	26
6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	27
6.1.	<i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm và lũy kế đến quý gần nhất</i>	27
6.2.	<i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo</i>	27
7.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	29
7.1.	<i>Vị thế của Công ty trong ngành</i>	29
7.2.	<i>Triển vọng phát triển của ngành</i>	29
7.3.	<i>Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới</i>	30
8.	Chính sách đối với người lao động	31
8.1.	<i>Cơ cấu lao động</i>	31
8.2.	<i>Các chính sách đối với người lao động</i>	31
9.	Chính sách cổ tức	33
10.	Tình hình tài chính	33
10.1.	<i>Các chỉ tiêu cơ bản</i>	33
10.2.	<i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i>	38
11.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ủy ban kiểm toán	39
12.	Tài sản	49
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2019	49
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	51
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	51
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phần phát hành	51
V.	CỔ PHẦN CHÀO BÁN	52
1.	Loại cổ phần	52
2.	Mệnh giá	52
3.	Tổng số cổ phần dự kiến chào bán	52
4.	Đối tượng chào bán	52
5.	Giá chào bán	52
6.	Phương pháp tính giá	52
7.	Phương thức phân phối	52
8.	Thời gian phân phối cổ phần	52
9.	Đăng ký mua cổ phần	53
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	53
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	53

12. Các loại thuế có liên quan.....	54
12.1. Đối với Công ty.....	54
12.2. Đối với nhà đầu tư.....	54
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần.....	55
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	55
1. Mục đích chào bán.....	55
2. Phương án khả thi Dự án.....	55
2.1 Hợp tác đầu tư với các tổ chức / cá nhân sở hữu mái nhà.....	55
2.2 Bổ sung vốn lưu động.....	60
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	60
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	67
1. Tổ chức tư vấn.....	67
2. Tổ chức kiểm toán.....	67
IX. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	67
X. PHỤ LỤC	68

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các chủ thể tham gia vào nền kinh tế.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây, môi trường pháp lý và kinh doanh đã phát triển nhưng vẫn chứa đựng những rủi ro vốn có gắn với nền kinh tế mới nổi. Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện. Tổng vốn đầu tư của Công ty vào các dự án sản xuất điện là rất lớn và một phần được tài trợ thông qua vốn vay từ các tổ chức tín dụng. Do vậy, hoạt động của chính Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới. Những diễn biến bất lợi có thể dẫn đến suy thoái kinh tế, lạm phát, biến động tỷ giá, thắt chặt tín dụng... Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp và tổ chức tín dụng của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai.

Theo Tổng Cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 tăng 7,02%, cao hơn so với mục tiêu đề ra là 6,6% đến 6,8%, đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01% đóng góp 13,96% vào mức tăng trưởng chung, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9% đóng góp 34,49%, khu vực dịch vụ tăng 7,3% đóng góp 41,64%.

Trong bối cảnh vừa đối mặt với dịch bệnh, vừa duy trì hoạt động sản xuất, GDP cả nước tăng trưởng 1,81% trong 6 tháng đầu năm 2020. Trong đó, động lực chính cho tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm là công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 4,96%) và các ngành dịch vụ thị trường (bán buôn bán lẻ tăng 4,3%, hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,78%).

Bên cạnh đó, lạm phát cũng là yếu tố quan trọng tác động đến nền kinh tế. Lạm phát tăng cao gây tác động xấu đến kinh tế vĩ mô, đến cuộc sống người dân và về lâu dài ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của nền kinh tế. Theo Tổng Cục Thống kê, lạm phát tổng thể năm 2018 tăng khoảng 3,54% so với năm 2017, là năm thứ 5 liên tiếp lạm phát duy trì ở mức thấp dưới 5%, cho thấy nền tảng của ổn định vĩ mô đang được thiết lập rõ nét. Lạm phát trong năm 2018 chủ yếu bị tác động bởi một số các yếu tố như giá lương thực, thực phẩm, giá nhiên liệu và các mặt hàng do Chính phủ quản lý và điều tiết. Trong khi đó, cầu tiêu dùng chưa cho thấy các tín hiệu cải thiện đáng kể. Theo đó, trong bối cảnh diễn biến thuận lợi (1) giá nhiên liệu không có nhiều biến động vượt ngoài dự báo; (2) giá lương thực thực phẩm giảm chủ yếu do tác động của giá thịt lợn, (3) việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế đã không tạo nên sức ép lớn. Tỷ lệ lạm phát cả năm 2019 sẽ đạt khoảng 2,73% nếu Chính phủ điều hành và kiểm soát tốt giá các mặt hàng thiết yếu và khi lạm phát trong tầm kiểm soát, việc tín dụng được mở rộng hơn sẽ tác động tích cực lên tăng trưởng tín dụng.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, tình hình trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được các chỉ tiêu kinh tế như trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp, chính sách xuyên suốt của Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện.

1.2. Lãi suất

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giảm lãi suất điều hành, các tổ chức tín dụng cũng có xu hướng giảm dần lãi suất huy động và cho vay. Tuy nhiên, mức tăng trưởng tín dụng trong cả năm nay được dự báo sẽ không cao và cần tiếp tục thực hiện các giải pháp khác để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Hiện tại, lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6% - 8%/năm đối với ngắn hạn; 8,5% - 10,5%/năm đối với trung và dài hạn.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đặc biệt là thu xếp nguồn vốn cho các dự án thủy điện, công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai. Tuy nhiên trên thực tế, để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

1.3. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế.

Đỉnh điểm lạm phát tại Việt Nam là 22,3% vào năm 2008 là do khủng hoảng tài chính dẫn đến sự suy thoái trong ngành ngân hàng vào giai đoạn 2008-2010. Ngay sau đó, Chính phủ đã nói lỏng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để đối đầu với những vấn đề kinh tế trong giai đoạn 2011-2013.

Mức lạm phát được kiểm soát giữ mức tương đối thấp trong những năm gần đây. Chỉ số lạm phát (CPI) năm 2018 tăng 3,54% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt mục tiêu Quốc Hội đề ra là tăng không quá 5%. Năm 2019, chỉ số lạm phát đạt 2,73%, với chỉ số này, lạm phát năm 2019 thấp nhất trong 3 năm gần đây, nằm dưới cả mức dự báo đầu năm là CPI tăng từ 3,3 - 3,9%. Dự báo các năm tiếp theo, chỉ số lạm phát vẫn duy trì ở mức ổn định từ 4 - 5%. Chỉ số lạm phát ổn định sẽ đảm bảo thực thi hiệu quả chính sách tiền tệ của Ngân Hàng Nhà Nước cũng như duy trì tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế bền vững và ổn định.

Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, GHC luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro và chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán.

2. Rủi ro về pháp luật

Khó khăn nếu có xảy ra đối với các dự án thủy điện chủ yếu nằm trong khâu đền bù, giải phóng mặt bằng và chính sách giá mua bán điện của Nhà nước vẫn chưa hoàn toàn phù hợp với mặt bằng chung của thị trường. Đây chỉ là những hạn chế nhất thời hiện nay trong quá trình phát triển đất nước.

Hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu điều chỉnh bởi các quy định chuyên ngành như Luật Điện lực 2004, Luật đất đai 2003, Luật đấu thầu, Luật đầu tư, Luật môi trường và các thông tư nghị định liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai đang giao dịch trên UpCOM, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Các Nhà máy Thủy điện chịu ảnh hưởng trực tiếp và quyết định của điều kiện thời tiết. Nắng hạn kéo dài, lượng mưa thấp sẽ ảnh hưởng đến nguồn nước, dẫn đến giảm sút sản lượng điện. Ngược lại, nếu tần suất mưa lớn kéo dài gây lũ quét cũng có thể gây hư hại tổn thất cho các công trình đập của nhà máy, gây ra sự cố và phát sinh thêm chi phí duy tu sửa chữa. Đó là những yếu tố rủi ro chi phối lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai. Tuy nhiên khi lập dự án đầu tư xây dựng, Công ty đã tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy trình quản lý đầu tư xây dựng, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong việc thiết kế xây dựng công trình Thủy điện nhằm đảm bảo công trình được an toàn khi có những tác động bất lợi xảy ra như bão, lũ...

Trong năm 2019 chúng ta có thể thấy sự sôi động trong lĩnh vực năng lượng Việt Nam, đặc biệt là sự tham gia của thành phần kinh tế tư nhân trong mảng Năng lượng tái tạo. Nửa đầu năm 2019, Năng lượng mặt trời đã có bước nhảy vọt với tổng công suất lắp máy lên tới 4.464 MW vào cuối tháng 6/2019. Tính đến cuối năm 2019, tổng công suất 8.935MW Điện Mặt Trời được bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực. Sản lượng điện sản xuất và mua của toàn hệ thống năm 2019 đạt 231,1 tỷ kWh, tăng 8,85% so với năm 2018. Trong đó, sản lượng điện thương phẩm năm 2019 đạt 209,42 tỷ kWh, tăng 8,87% so với năm 2018. Tuy nhiên, việc phát triển quá nhanh chóng trong một thời gian ngắn đã đặt ngành điện vào một khó khăn mới đó là vấn đề đầu nối quá tải. Các nhà máy Điện Mặt Trời tại các điểm “nóng” về Năng lượng tái tạo như Ninh Thuận, Bình Thuận đồng loạt phát điện trong khi công suất đường dây không đáp ứng đã gây quá tải lưới điện tại khu vực này. Nhiều nhà máy Năng lượng tái tạo, kể cả Điện Mặt Trời lẫn Điện gió buộc phải giảm công suất để đảm bảo việc điều độ và dự kiến việc giảm tải này sẽ còn tiếp diễn trong thời gian tới.

4. Rủi ro của Đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của Đợt chào bán

Hiện tại, Cổ phần của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai được đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UpCOM. Giá cổ phiếu được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Giá Cổ phiếu Công ty không nằm ngoài quy luật chung đó. Do vậy, thông tin về lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán.

Đây là đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành nên có khả năng xảy ra rủi ro là Công ty không bán hết lượng cổ phần chào bán để huy động đủ vốn phát triển dự án. Trong trường hợp này, Công ty sẽ điều chỉnh số lượng cổ phần bán được theo thực tế và huy động các nguồn vốn khác để tiếp tục thực hiện dự án của Công ty.

4.2. Rủi ro của Dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đợt này là 256.250.000.000 đồng. Số tiền huy động được từ đợt phát hành này sẽ được phân bổ cho các dự án sau:

- Hợp tác đầu tư với các tổ chức/cá nhân đang sở hữu mái nhà có diện tích lớn để phát triển các dự án điện mặt trời tại các tỉnh: tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Gia Lai, tỉnh Bình Thuận... với tổng mức đầu tư dự kiến (sau thuế VAT) khoảng 334.909 tỷ đồng, trong đó:
 - Nguồn vốn đối ứng huy động từ phát hành cổ phiếu dự kiến khoảng 219,139 tỷ đồng
 - Vốn góp dự kiến của các tổ chức/cá nhân sở hữu mái nhà: 15,300 tỷ đồng
 - Nguồn vốn vay dự kiến khoảng 100,470 tỷ đồng
- Bổ sung vốn lưu động: 37,111 tỷ đồng

Trong quá trình triển khai đầu tư dự án trong năm 2020, giao cho Ban Điều hành tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo khác để tối ưu hóa nguồn vốn đồng thời báo cáo cho Hội đồng Quản trị phê duyệt trước khi thực hiện.

Trong trường hợp thay đổi nguồn vốn cho dự án, giá trị còn lại sẽ được bổ sung vào nguồn vốn lưu động của Công ty.

Phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn dự kiến từ việc chào bán cổ phiếu phục vụ cho mục đích sử dụng vốn: Trường hợp Công ty không thu đủ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán nêu trên, thì Công ty sẽ đàm phán lại với các Ngân hàng/Tổ chức tín dụng khác để tài trợ vốn thêm cho các nhu cầu đầu tư bị thiếu hụt.

Nhìn chung kế hoạch sử dụng vốn của công ty từ đợt phát hành này là tiếp tục đầu tư mở rộng hoạt động lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty. Rủi ro lớn nhất khi thực hiện các dự án này là những rào cản như hạ tầng truyền tải điện, thiết bị biến áp không đủ công suất hấp thu, còn nhiều thủ tục rườm rà và đặc biệt là thỏa thuận mua bán điện với EVN,... là những rủi ro mà Công ty phải quan tâm.

Tuy nhiên với kinh nghiệm của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh điện năng, Công ty sẽ có những chiến lược và phương thức để vượt qua những rủi ro này.

5. Rủi ro pha loãng

Pha loãng cổ phần là kết quả của việc phát hành thêm cổ phần phổ thông của một công ty. Việc pha loãng giá trị cổ phần có thể gây ra những ảnh hưởng:

- Phần trăm sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu có thể giảm xuống.
- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) có thể suy giảm do thu nhập được chia cho một số lượng cổ phần lớn hơn. Tuy nhiên, điều này còn phần nào phụ thuộc vào số tiền mà Công ty nhận được từ việc sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần.
- Pha loãng quyền biểu quyết.

⚡ **Pha loãng theo giá trị thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS):**

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS): có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phụ thuộc vào số vốn mà GHC huy động được trong đợt chào bán này để đầu tư vào dự án nhà máy mới và lợi nhuận thu được sau khi nhà máy mới đi vào hoạt động.

Cách tính:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}^*}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng CP đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*T + Y*T'}{12}$$

- ✓ X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- ✓ Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- ✓ T: Thời gian lưu hành thực tế của cổ phiếu trước khi phát hành
- ✓ T': Thời gian lưu hành thực tế của cổ phiếu phát hành thêm
- ✓ Giả sử, ngày hoàn tất đợt chào bán này của GHC là 15/12/2020 Khi đó:

Với kết quả kinh doanh đạt được trong 04 quý gần nhất, lợi nhuận sau thuế tại BCTC Quý II năm 2020 đạt 16.653.845.043 đồng. EPS trong 4 quý gần nhất tính đến 30/06/2020 đạt 1.947 đồng/cổ phiếu.

Với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2020 ước đạt 95,98 tỷ đồng thì EPS dự kiến năm 2020 của GHC trước và sau khi phát hành thêm cổ phiếu như sau:

<p>EPS dự kiến năm 2020 (Trường hợp GHC không phát hành thêm cổ phiếu)</p>	=	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2020}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành BQ trong năm 2020 (*)}}$	=	$\frac{95.980.000.000}{20.500.000} = 4.682$	=	đồng/cổ phiếu
<p>EPS dự kiến năm 2020 (Trường hợp GHC phát hành thêm cổ phiếu)</p>	=	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2020}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành BQ trong năm 2020 (**)}} = \frac{95.980.000.000}{20.921.000} = 4.588$	=	đồng/cổ phiếu		

(*) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2020 của GHC (trong trường hợp không phát hành thêm cổ phiếu) = 20.500.000 cổ phiếu.

(**) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2020 của GHC (trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu) = $(20.500.000 * 12 + 10.250.000 * 0,5) / 12 = 20.921.000$ cổ phiếu.

Sau khi chào bán, EPS năm 2020 có thể sẽ giảm 2% so với trước khi chào bán nếu Lợi nhuận sau thuế của cổ đông GHC năm 2020 không có sự tăng trưởng tương ứng với tốc độ tăng số lượng cổ phiếu.

Tóm lại, đợt phát hành này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu lưu hành của GHC tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu. Vì vậy Nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

✦ **Thay đổi giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS):**

$$\text{Giá trị sổ sách trên một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành - Cổ phần quỹ}}$$

Giá trị sổ sách cổ phần của Công ty thay đổi sau khi phát hành thêm.

Chỉ tiêu tại 30/06/2020	Trước khi phát hành	Sau khi phát hành
Vốn chủ sở hữu	399.490.424.641	617.374.299.570
Vốn đầu tư chủ sở hữu	205.000.000.000	307.500.000.000
Thặng dư vốn	52.499.670.000	206.249.670.000
Quỹ đầu tư phát triển	72.419.646.025	72.555.695.527
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	69.571.108.616	31.068.934.043
Số lượng cổ phần lưu hành (cp)	20.500.000	30.750.000
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	19.487	20.077

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ tăng.

✦ **Mức độ pha loãng giá:**

- Số cổ phần lưu hành của Công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng 50% so với cổ phần hiện hữu, vì vậy giá cổ phần sẽ được điều chỉnh và ảnh hưởng tình hình giao dịch cổ phần của Công ty. Cụ thể giá cổ phần sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá cổ phần sau khi pha loãng} = \frac{\text{Số lượng cổ phần trước đợt phát hành} \times \text{Giá thị trường cổ phần trước khi pha loãng} + \text{Số lượng cổ phần chào bán} \times \text{Giá phát hành}}{\text{Tổng số cổ phần sau khi phát hành}}$$

- Giá sử giá cổ phiếu GHC vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là: 34.500 đồng/cổ phiếu GHC. Như vậy, tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của GHC sau khi pha loãng tính theo công thức trên:

$$\text{Giá cổ phần sau khi pha loãng} = \frac{20.500.000 \times 34.500 + 10.250.000 \times 25.000}{30.750.000} = 31.333 \text{ đồng/cổ phần}$$

- Trường hợp tại Ngày giao dịch không hưởng quyền, giá giao dịch của cổ phiếu GHC thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu thì giá cổ phiếu sẽ không bị điều chỉnh kỹ thuật.

✦ **Pha loãng quyền biểu quyết:**

Việc phát hành thêm cổ phần thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ làm tăng lượng cổ phần lưu hành, do đó, tỷ lệ cổ phần nắm giữ trên số lượng cổ phần lưu hành của các cổ đông hiện hữu có thể sẽ giảm so với trước khi chào bán. Vì vậy, có thể sẽ làm cho tỷ lệ biểu quyết của các cổ đông hiện hữu cũng sẽ giảm theo nếu như cổ đông hiện hữu không tham gia mua cổ phần để nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng trong đợt chào bán này.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Đối với việc phát hành cho cổ đông hiện hữu, trong trường hợp cổ đông thực hiện toàn bộ quyền mua của mình, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ không thay đổi. Trong trường hợp cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết sẽ bị giảm tương ứng.

7. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành**

Bà Nguyễn Thái Hà Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Trường Thạnh Chức vụ: Giám đốc

Ông Nguyễn Tiên Bằng Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Trần Quốc Việt Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền Số 31/2020/UQ-VCBS-KSNB ngày 09/07/2020 của Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM/ĐỊNH NGHĨA/CÁC TỪ VIẾT TẮT

- BCKT/BCTC Báo cáo kiểm toán/Báo cáo tài chính
- UBKT Ủy ban kiểm toán
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- CNĐKDN Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Công ty, GHC Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
- CTCP Công ty cổ phần
- DTT Doanh thu thuần
- ĐHDCĐ Đại hội đồng cổ đông
- Điều lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
- FDI Foreign Direct Investment - Đầu tư trực tiếp nước ngoài
- GDP Gross Domestic Product - Tổng sản phẩm nội địa
- HĐQT Hội đồng quản trị
- HĐKD Hoạt động kinh doanh
- LNST Lợi nhuận sau thuế
- QLDN Quản lý doanh nghiệp
- GD Giám đốc
- TMCP Thương mại cổ phần
- TNHH Trách nhiệm hữu hạn
- Tổ chức phát hành Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
- TSCĐ Tài sản cố định
- UBCKNN Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UBND Ủy ban nhân dân
- VCBS Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- VCSH Vốn chủ sở hữu

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI
- Tên giao dịch quốc tế : GIA LAI HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : GHC
- Trụ sở chính : 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (84.0269) 383 0013
- Fax : (84.0269) 383 0013
- Website : <http://ghc.vn/>
- Vốn điều lệ : 205.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ năm tỷ đồng)
- Giấy CNĐKDN số : Số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23/05/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 16/4/2019
- Ngành nghề kinh : Theo giấy CNĐKDN thì lĩnh vực kinh doanh đăng ký của doanh Công ty như sau:

Stt	Tên ngành
1	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
2	Trồng cây lấy củ có chất bột
3	Trồng cây mía
4	Trồng cây lấy sợi
5	Trồng cây có hạt chứa dầu
6	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
7	Trồng cây hàng năm khác
8	Trồng cây ăn quả
9	Trồng cây lấy quả chứa dầu
10	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm
11	Trồng cây lâu năm khác
12	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai
13	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn

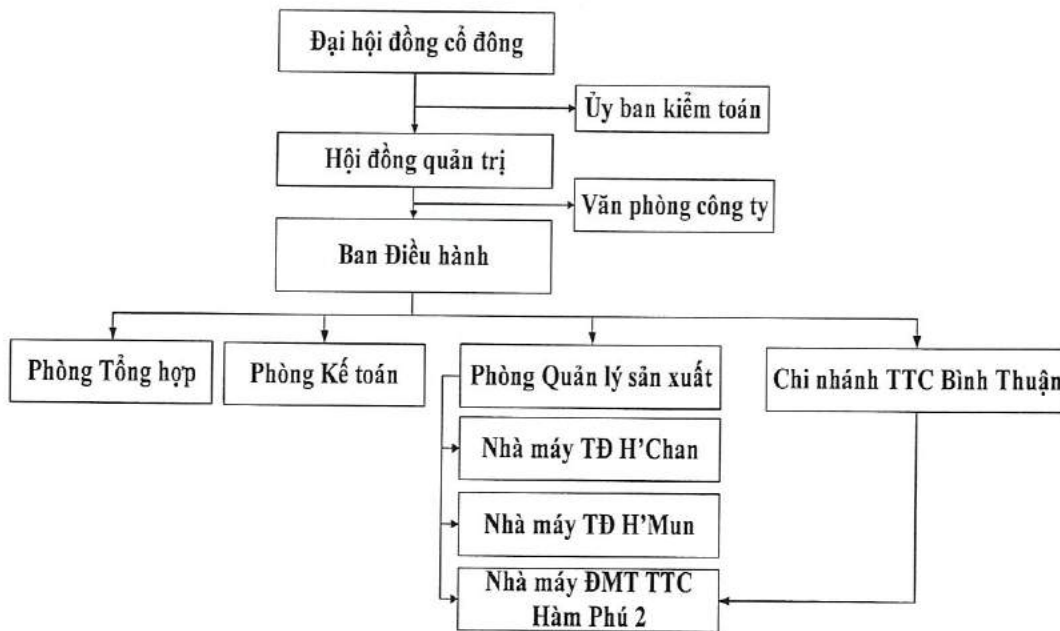
14	Chăn nuôi gia cầm
15	Chăn nuôi khác
16	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp
17	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
18	Sửa chữa thiết bị điện
19	Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị điện; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của các nhà máy điện (không bao gồm sửa chữa máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc, thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình khác)
20	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
21	Sản xuất điện
22	Chi tiết: Sản xuất điện, kinh doanh điện
23	Truyền tải và phân phối điện
24	Xây dựng nhà để ở
25	Xây dựng nhà không để ở
26	Xây dựng công trình đường bộ
27	Xây dựng công trình điện
28	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
29	Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi
30	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
31	Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ, công trình công nghiệp.
32	Lắp đặt hệ thống điện
33	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
34	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
35	Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành mía đường
36	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
37	Vận tải hành khách đường bộ khác
38	Chi tiết: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách; hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch.

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

14/3/2002	Tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai được thành lập theo Hợp đồng kinh tế số 01-14-03-2002/PC3-ĐGL-01 giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng công ty điện lực miền Trung) và Công ty Điện Gia Lai (nay là Công ty cổ phần điện Gia Lai), với tổng vốn điều lệ 6 tỷ đồng.
02/6/2008	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển điện Gia Lai đã chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai
2009	Tháng 03/2009 Công ty chính thức đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN Tháng 11/2009 tăng vốn điều lệ thực góp lên 100 tỷ đồng
2011	Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
2014	Ngày 28/10/2014 tăng vốn điều lệ thực góp lên 205 tỷ đồng
2019	Tháng 4/2019 Hoàn thành đưa vào sử dụng Nhà máy điện Mặt trời TTC Hàm Phú 2, công suất 49 MWp tại xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

1.3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty



Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị:

Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ủy ban Kiểm toán

Là một đơn vị do HĐQT thành lập, gồm các chức năng sau:

- Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ.
- Tham mưu cho HĐQT trong công tác hoàn thiện Hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro Công ty.
- Tham mưu cho HĐQT đánh giá năng lực và tính độc lập của đơn vị Kiểm toán độc lập.
- Tham mưu các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm 03 thành viên: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng. Trong đó, Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Các Đơn vị: phụ trách lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp theo từng thời kỳ. Lĩnh vực có chức năng giám sát lĩnh vực khác thì không được tổ chức thuộc cùng một Đơn vị.

Các Phòng/Ban nghiệp vụ:

- **Phòng Quản lý Sản xuất:** tổ chức quản lý điều hành sản xuất, quản lý kỹ thuật, quản lý hoạt động kinh doanh điện và quản lý các nhà máy điện, đảm bảo hoạt động liên tục, an toàn, hiệu quả theo kế hoạch sản lượng hàng năm của Công ty.
- **Văn phòng Công ty:** thực hiện công tác thư ký trợ lý, Quản lý cổ đông, cổ phần của công ty và công tác chính sách đảm bảo pháp lý phục vụ hoạt động quản lý, điều hành Công ty.
- **Phòng Kế toán:** Thực hiện công tác kế hoạch tài chính cho công ty, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong suốt quá trình hoạt động của Công ty, lập các báo cáo tài chính phục vụ công tác quản lý và theo chế độ quy định.
- **Phòng Tổng hợp:** chịu trách nhiệm các hoạt động liên quan đến nhân sự, đào tạo, hành chính, quản lý tài sản Công ty.

2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn điều lệ thực góp hiện tại

✚ Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 25/5/2020:

Bảng 1: Danh sách cổ đông của Công ty nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

Stt	Cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	5900181213	114 Trường Chinh, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	11.919.364	58,14
Tổng cộng				11.919.364	58,14

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai

Danh sách người có liên quan đến các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên:

Stt	Cổ đông	Chức vụ	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tân Xuân Hiến	Chủ tịch GEC	114 Trường Chinh, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	75.000	0,36
Tổng cộng				75.000	0,36

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai

✚ Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015 thì: “Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty.”

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp năm 2002, do vậy đến thời điểm hiện nay, các hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đều hết hiệu lực.

✚ Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 25/5/2020:

Vốn cổ phần của Công ty tính đến ngày 25/5/2020 là 205.000.000.000 đồng, được chia thành 20.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cơ cấu vốn cổ phần như sau:

Bảng 2: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại 25/5/2020

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ %
I	Trong nước	3.867	20.037.034	200.370.340.000	97,74
1	Tổ chức	4	12.549.960	125.499.600.000	61,22
2	Cá nhân	3.863	7.487.074	74.870.740.000	36,52
II	Nước ngoài	16	462.966	4.629.660.000	2,26
1	Tổ chức	6	435.700	4.357.000.000	2,13
2	Cá nhân	10	27.266	272.660.000	0,13
Tổng cộng		3.883	20.500.000	205.000.000.000	100

3. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

3.1. Danh sách công ty mẹ của tổ chức phát hành

Stt	Cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	5900181213	114 Trường Chinh, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	11.919.364	58,14
Tổng cộng				11.919.364	58,14

3.2. Danh sách những công ty con và công ty liên kết của tổ chức phát hành

- ❖ Công ty con: Không có
- ❖ Công ty liên kết: Không có

4. Quá trình tăng vốn của Công ty

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai:

Đơn vị: đồng

Thời gian	Trước khi tăng vốn	Tăng vốn	Sau khi tăng vốn	Phương thức
31/12/2009	65.932.430.000	34.067.570.000	100.000.000.000	Phát hành riêng lẻ
27/06/2014	100.000.000.000	105.000.000.000	205.000.000.000	Phát hành ra công chúng

Nguồn: Công ty CP Thủy điện Gia Lai

❖ Tăng vốn từ 65,932 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng

- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần phát hành : 3.406.757 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị cổ phần phát hành : 34.067.570.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu (03 cổ đông)
- Mục đích phát hành : Bổ sung nguồn vốn đầu tư dự án Thủy điện H'Mun

- Đơn vị chấp thuận cho đợt tăng vốn : Thời điểm tăng vốn của Công ty là thời điểm công ty chuyển từ Công ty trách nhiệm hữu hạn thành Công ty cổ phần và được thể hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000196 đăng ký lần đầu ngày 02/6/2008 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Gia Lai cấp,

❖ Tăng vốn từ 100 tỷ đồng lên 205 tỷ đồng

- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần phát hành : 10.500.000 cổ phần
- Giá phát hành :
 - 15.000 đồng/cổ phần cho cổ đông hiện hữu
 - 15.000 đồng/cổ phần cho cán bộ chủ chốt
- Tổng giá trị cổ phần phát hành : 105.000.000.000 đồng theo mệnh giá
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu ra công chúng
- Đối tượng phát hành :
 - Cổ đông hiện hữu
 - Cán bộ chủ chốt
- Mục đích phát hành : Tăng tỷ lệ sở hữu của GHC tại các công ty liên kết; bổ sung vốn đầu tư các dự án hiệu quả và tái cơ cấu các khoản nợ vay dài hạn.
- Đơn vị chấp thuận cho đợt tăng vốn : UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 51/GCN-UBCK ngày 27/6/2014
- Mục đích sử dụng vốn: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/3/2014 và Nghị quyết HĐQT số 07/2014-HĐQT ngày 23/4/2014 và Nghị quyết HĐQT số 9/2018/NQ-HĐQT ngày 08/11/2018, mục đích sử dụng vốn như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền
1	Góp vốn tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	3.697.000
2	Tái cơ cấu các khoản nợ vay dài hạn	71.468.500.000
3	Đầu tư dự án ĐMT TTC Hàm Phú 2	86.027.473.000
Tổng		157.499.670.000

- Tình hình sử dụng vốn: theo Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho giai đoạn từ ngày 01/7/2014 đến ngày 18/4/2019 do Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – chi nhánh Miền Trung lập ngày 22/02/2020:

Đơn vị tính: đồng

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền được duyệt	Đã thực hiện sử dụng vốn
1	Góp vốn tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	3.697.000	3.697.000
2	Tái cơ cấu các khoản nợ vay dài hạn	71.468.500.000	71.468.500.000
3	Đầu tư dự án ĐMT TTC Hàm Phú 2	86.027.473.000	86.027.473.000
Tổng		157.499.670.000	157.499.670.000

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Sản xuất và kinh doanh điện

Điều kiện thời tiết thuận lợi nên lượng nước đổ về các nhà máy duy trì ở mức cao, các nhà máy đã tập trung công tác điều tiết nước tối ưu, đảm bảo công tác vận hành liên tục, giảm thiểu tối đa thời gian xử lý các sự cố nên hiệu quả kinh doanh 2018 của các nhà máy vượt kế hoạch đặt ra. Đồng thời công tác sửa chữa định kỳ được hoàn thành đúng kế hoạch, trong quá trình thực hiện luôn bám sát thực tế vận hành nhằm tối ưu hóa chi phí sửa chữa. Trong năm 2019, hiện tượng thời tiết El Nino đã có tác động rõ rệt lên khu vực Miền Trung và Tây Nguyên đặc biệt là khu vực đầu nguồn sông Ayun làm cho lượng mưa ở các khu vực này thấp hơn nhiều so với trung bình nhiều năm (lượng mưa trung bình năm 2019 là 1900mm - 2100mm trong khi mọi năm là 2300mm-2500mm). Thủy văn bất lợi, hạn hán, lưu lượng nước thấp dẫn đến kết quả hoạt động thủy điện sụt giảm mạnh so với cùng kỳ.

Bảng 3: Cơ cấu sản lượng điện của các nhà máy trong năm 2017 – 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: KWH

TT	Tên công trình	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	6T2020
1	Nhà máy Hchan	65.340.238	56.963.843	39.376.894	6.977.984
2	Nhà máy Hmun	79.550.866	70.409.813	47.434.918	8.098.128
3	Nhà máy ĐMT TTC Hàm Phú 2			54.603.703	41.113.596

Nguồn: Công ty CP Thủy điện Gia Lai

Cơ cấu doanh thu:

GHC có hai nguồn doanh thu chính đến từ hoạt động kinh doanh chính và hoạt động tài chính. Trong giai đoạn năm 2017 – 2019, giá trị và tỷ trọng của doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính theo xu hướng tăng dần và trội hơn so với doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động tài chính. Cho thấy hoạt động kinh doanh chính của GHC có sự ổn định và tăng trưởng tốt.

Đem lại nguồn thu trong hoạt động kinh doanh chính của GHC là từ Thủy điện. Hiện GHC vận hành 2 nhà máy thủy điện H'Mun và H'Chan với tổng công suất 28,2 MW và đến giữa năm 2019 Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng Nhà máy Điện mặt trời TTC Hàm Phú 2, đem về doanh thu và lợi nhuận ổn định hằng năm cho GHC để đảm bảo việc chia cổ tức cho cổ đông.

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu công ty từ năm 2017 – 6T2020

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		6T năm 2020	
	Giá trị	%DTT	%DTT	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Doanh thu bán điện	166.093	93,00	156.090	95,86	244.238	99,47	126.215	99,28
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.506	7,00	6.550	4,14	1.310	0,53	912	0,72
Tổng cộng	178.599	100%	162.830	100%	245.548	100%	127.127	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm 2017, 2018, 2019 và BCTC soát xét 6 tháng 2020 của GHC

Hoạt động sản xuất kinh doanh điện:

Trong năm 2017, tình hình thủy văn thuận lợi, lưu lượng nước đổ về các nhà máy ở mức cao so với mức trung bình nên các nhà máy thủy điện được huy động công suất chạy máy ở mức cao. Đến năm 2018 thì lại có sụt giảm đáng kể so với năm 2017. Tuy nhiên vào giữa năm 2019 Công ty đã đưa vào sử dụng Nhà máy điện mặt trời TTC Hàm Phú 2, do đó doanh thu năm 2019 đã tăng mạnh so với năm 2018.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của GHC qua các năm gần đây nhìn chung có sự tăng trưởng tốt về quy mô và hiệu quả.

Hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật và phát triển công nghệ:

Chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ, nâng cấp hệ thống hạ tầng – công nghệ cho Công ty để từng bước đáp ứng với nhu cầu quản lý hiện đại và phù hợp với mức độ tăng trưởng của Công ty.

Đưa vào vận hành kinh doanh nhà máy Điện mặt trời TTC Hàm Phú 2 tại Bình Thuận trong Quý II/2019.

Hoàn thành việc nâng cấp thiết bị và tăng hiệu suất cho nhà máy thủy điện H'Chan và H'Mun nhằm tối ưu hoạt động sản xuất của công ty.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ hiện tại, GHC đang từng bước phát triển các sản phẩm mới về dịch vụ kỹ thuật nhằm mở rộng thị trường hoạt động, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tình hình nghiên cứu và phát triển

Bên cạnh mục tiêu duy trì và phát triển hoạt động của nhà máy thủy điện H'Chan và H'Mun trong các năm sắp tới, Công ty còn tập trung mở rộng, đa dạng hóa ngành nghề như tham gia tư vấn đầu tư xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; giám sát thi công các công trình thủy lợi – thủy điện, xây dựng dân dụng – công nghiệp. Với kinh nghiệm trên thị trường, Công ty nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào một số dự án thủy điện có hiệu quả cao theo hình thức độc lập đầu tư hoặc tham gia liên doanh để tăng doanh thu cho doanh nghiệp cũng như bắt kịp xu hướng chung của ngành.

Xác định được yếu tố con người là quan trọng trong sự nghiệp phát triển của doanh nghiệp, Công ty đã thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nhân viên kỹ thuật lành nghề để chủ động tiếp cận những thông tin mới nhất về sản phẩm, kỹ thuật, công nghệ mới và xu hướng thị trường. Từ chỗ phải thuê các chuyên gia nước ngoài làm tư vấn, thiết kế công trình; chỉ đạo thi công xây lắp và trực tiếp căn chỉnh máy móc, thiết bị kỹ thuật quan trọng, chạy thử liên động; đến nay các chuyên gia kỹ thuật và công nhân giỏi nghề, giàu kinh nghiệm của Công ty đã cơ bản đảm trách được công việc một cách an toàn, hiệu quả, tạo tiền đề cho việc phát triển các hoạt động tư vấn xây dựng theo định hướng phát triển lâu dài.

Chi phí kinh doanh**Bảng 5: Chi phí kinh doanh công ty từ năm 2017 - 6 tháng đầu năm 2020**

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		%(+/-) 2019/2018	6T Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	49.536	93,00%	49.142	92,35%	103.519	71,59%	210,65%	50.955	59,51%
Chi phí tài chính	-	-	77	0,14%	32.360	22,38%	42025,97%	31.495	36,78%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí QLDN	3.665	6,88%	3.477	6,53%	8.652	5,98%	248,84%	3.172	3,70%
Chi phí khác	61	0,11%	519	0,98%	75	0,05%	14,45%	-	0,00%
Tổng cộng	53.262	100%	53.216	100%	144.606	100%	272%	85.622	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm 2017, 2018, 2019 và BCTC soát xét 6 tháng 2020 của GHC

5.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành:

a. Các khoản đầu tư lớn: trong giai đoạn năm 2018 - 2019 công ty đã triển khai dự án Nhà máy ĐMT TTC - Hàm Phú 2:

- Tên dự án: Nhà máy Điện Mặt Trời TTC – Hàm Phú 2
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai
- Địa điểm: Xã Hàm Phú, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận
- Quy mô công suất: 49MW
- Diện tích đất có thời hạn:
 - o Diện tích đất khu vực nhà máy: 54,2ha
 - o Diện tích đất đường dây (bên ngoài khu vực nhà máy): 4.112m²
- Tổng mức đầu tư: 1.017 tỷ đồng
- Thời gian khởi công xây dựng dự án: 31/7/2018
- Thời gian hoàn thành vận hành thương mại: 21/4/2019
- Công tác pháp lý dự án: dự án Nhà máy ĐMT TTC Hàm Phú 2 đã hoàn thành đầy đủ hồ sơ pháp lý dự án tuân thủ theo quy định đảm bảo các thủ tục phục vụ vận hành thương mại.
- Về công tác quyết toán dự án: Đã phát hành Báo cáo Kiểm toán độc lập về dự án Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 ngày 30/11/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá AFA. Kết quả kiểm toán như sau:

+ TMĐT được duyệt (tỷ VNĐ sau thuế)	: 1.017 tỷ đồng
+ Tổng giá trị QT (tỷ VNĐ sau thuế)	: 979 tỷ đồng
+ % tiết giảm	: 3,8%

b. Công ty con và công ty liên kết

- ❖ **Công ty con:** Không có
- ❖ **Công ty liên kết:** Không có

5.3 Hoạt động marketing

Là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh loại hàng hóa đặc biệt (điện năng) nên hoạt động Marketing của Công ty tập trung và các mục tiêu chủ yếu sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền động viên tập thể cán bộ, nhân viên Công ty chung sức, chung lòng, củng cố niềm tin cùng nỗ lực hoàn thành các mục tiêu mà Công ty đã đề ra.
- Tập trung sử dụng mọi thế mạnh sẵn có của Công ty để chú trọng phát triển lĩnh vực mũi nhọn là sản xuất kinh doanh điện năng, đồng thời mở rộng phát triển các lĩnh vực khác như: tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng điện, cơ khí điện lực, kinh doanh dịch vụ và một số lĩnh vực liên quan khác.

- Hướng về cộng đồng dân cư nơi có hoạt động của các công trình, nhà máy:
 - Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và tái định cư cho người dân khu vực ảnh hưởng của công trình nhà máy điện.
 - Bên cạnh thực hiện tốt các quy định của Nhà nước, Công ty tạo điều kiện tốt nhất để người dân các địa phương xung quanh có cơ hội việc làm tại các công trình, nhà máy điện.
 - Góp phần tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh – quốc phòng tại địa phương nơi các nhà máy hoạt động.
- Tăng cường quảng bá hình ảnh doanh nghiệp, xây dựng hình ảnh thân thiện của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai đối với xã hội, môi trường.

5.4 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, bản quyền và có logo riêng

Hình 7: Logo công ty



Công ty đã đăng ký tên miền: <http://ghc.vn/> do Bộ Bưu chính - Viễn thông cấp

5.5 Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 6: Hợp đồng lớn đang thực hiện

TT	Tên khách hàng	Nội dung hợp đồng	Hiệu lực hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)
HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG				
1	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Gia Lai	Cho vay đầu tư dự án ĐMT TTC HP2	10/9/2018	728.000.000.000
2	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Gia Lai	Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	24/6/2020	20.000.000.000
3	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Gia Lai	Đầu tư mua sắm, sửa chữa lớn TĐ H'Chan, H'Mun và ĐMT Hàm Phú 2	24/6/2020	20.000.000.000
HỢP ĐỒNG MUA HÀNG				
1	Công Ty TNHH Thiết Bị Điện Tân Thế Kỷ Trùng Khánh	Cung cấp thiết bị và các dịch vụ kỹ thuật kèm theo để nâng cấp NMTĐ H'Mun	06/8/2019	7.386.869.070

2	Công Ty TNHH MTV Xây Lắp Và Cơ Điện Gia Lai	Thi công, sửa chữa thay thế tổ máy H2 NMTĐ H'Mun thuộc dự án đầu tư nâng cấp thiết bị 2 NMTĐ	08/5/2020	1.254.000.000
3	Công Ty TNHH Thiên Xanh	Cung cấp và thi công lắp đặt nhà trồng nấm kết hợp điện mặt trời áp mái DA HG3	14/2/2020	6.769.071.000
4	Công Ty TNHH Phương Mai	Thi công lắp đặt đường dây 22kv DA HG3	20/5/2020	1.100.626.765
5	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Kỹ Thuật 29	Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án nhà trồng nấm kết hợp điện mặt trời áp mái Bàu Cạn 2	18/5/2020	3.874.626.087
6	Công Ty Cổ Phần Điện Gia Lai	Cung cấp thiết bị pin sharp NU - AF345H	21/4/2020	17.236.876.800

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 7: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Các khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	(+/-) năm 2019/2018	6T2020
Tổng tài sản	415.311,10	463.088,50	1.128.088,12	243,60%	1.117.078,20
Doanh thu thuần	166.093,50	156.090,60	244.238,20	156,47%	126.215,58
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	125.399,30	109.944,80	103.519,38	94,16%	75.260,31
Lợi nhuận khác	393,80	-334,10	344,57	-103,13%	50,89
Lợi nhuận trước thuế	125.793,00	109.610,80	101.362,07	92,47%	41.556,15
Lợi nhuận sau thuế	114.801,70	100.684,00	94.761,95	94,12%	39.916,46
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	45%	30%	35%	116,67%	0%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm 2017, 2018, 2019 và BCTC soát xét 6 tháng 2020 của GHC

**6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo
Những khó khăn và thách thức**

- Thị trường tiêu thụ:
Sản lượng điện phát ra tại các nhà máy đều bán cho một khách hàng duy nhất là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (CPC) nên các rủi ro về yếu tố cạnh tranh, thị trường tiêu thụ ở thời điểm hiện tại không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.
- Nhu cầu điện hiện nay: Do nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nhanh nên nhu cầu điện cao hơn so với nguồn cung sản xuất điện. Tuy nhiên, môi trường kinh tế thế giới trong năm 2020 sẽ có nhiều bất định gây tác động đến nền kinh tế Việt Nam sẽ ảnh hưởng tới nhu cầu sử dụng điện năng đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất.
- Giá bán điện: Đây là yếu tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiện nay biểu giá bán điện cho EVN được Nhà nước ban hành từng năm và phụ thuộc nhiều vào chính sách điều hành vĩ mô của Nhà nước.
- Mục tiêu chính trong thời gian tới, Công ty sẽ khai thác nguồn năng lượng tái tạo để phát triển theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường. Tuy nhiên chính sách và khung điều tiết để khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo hiện nay là chưa cụ thể và đủ để tạo ra động lực cần thiết thúc đẩy ngành năng lượng tái tạo tại Việt Nam làm cho tính kinh tế của nguồn năng lượng tái tạo chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư.

Các giải pháp trọng tâm

- Hoàn thiện bộ máy hoạt động, nâng cao năng lực hoạt động, năng lực cạnh tranh của Công ty, theo phương châm Quản trị chuẩn mực - Kiểm soát trách nhiệm - Điều hành chuyên nghiệp;
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy cho GHC tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho mục tiêu quản trị doanh nghiệp theo hướng hoạt động của Công ty, hiện đại hóa kết hợp với việc xây dựng một tập thể năng động, sáng tạo và bản lĩnh, xây dựng một sức mạnh văn hóa doanh nghiệp GHC - Nền tảng bền vững, cho giá trị thăng hoa;
- Chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ, nâng cấp hệ thống hạ tầng Công ty để từng bước đáp ứng với nhu cầu quản lý hiện đại và phù hợp với mức độ tăng trưởng của Công ty;
- Tập trung cho công tác tuyển dụng và đào tạo cán bộ, tạo lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực cho Công ty. Hoàn thiện hệ thống lương thưởng, đánh giá, quy hoạch cán bộ cấp cao và cán bộ quản lý cho Công ty;
- Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ các nhà máy đảm bảo vận hành liên tục, thông suốt. Ngoài ra tiết giảm chi phí quản lý vận hành và sửa chữa hàng năm ở mức tối ưu;
- Tiếp tục thực hiện các đề tài thiết kế, chế tạo, nghiên cứu, cải tiến các sản phẩm, phụ kiện thay thế tại các Nhà máy, các Đơn vị để đảm bảo chất lượng tốt hơn, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.
- Mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, định chế tài chính trong và ngoài nước để tìm kiếm nguồn vốn cho các dự án năng lượng tái tạo.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**7.1. Vị thế của Công ty trong ngành****a. Thị trường điện năng**

- Hiện nay chỉ có duy nhất EVN là đơn vị đầu ngành về trung gian mua bán điện.
- EVN cũng đang chiếm gần 60% tổng công suất nguồn phát toàn hệ thống và nắm giữ toàn bộ hệ thống truyền tải và là Công ty mua bán điện duy nhất.
- Đối với nguồn phát trong vài năm trở lại đây đã có sự tham gia của hai đơn vị lớn là PVN chiếm khoảng 10% và TKV chiếm khoảng 8%.

b. Vị thế của công ty trong ngành năng lượng

GHC nằm trong nhóm các Công ty cổ phần và nhà đầu tư khác trong hệ thống cung cấp nguồn phát điện hiện nay (các nhóm nhà đầu tư lớn là EVN, PVN, TKV). Theo thống kê của EVN đến cuối năm 2013 nhóm nhà đầu tư lớn chiếm 77,38%; tổng công suất nguồn điện nhóm nhà đầu tư trong nước chiếm 15,17%. Tổng công suất phát của GHC của các thủy điện khoảng 28,2 MW tương đương với 0,59% công suất phát trong nhóm các nhà đầu tư trong nước. Nếu tính trên phạm vi cả nước thì thị phần của GHC chiếm một tỉ lệ nhỏ về nguồn phát.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nhu cầu tiêu dùng điện của Việt Nam vẫn đang tiếp tục xu hướng tăng trưởng cao cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế, dự tính mức tăng trưởng bình quân mỗi năm vào khoảng 10%/năm. Để đáp ứng nhu cầu trên, Việt Nam cần bổ sung thêm 5.000 - 7.000 MW/năm, trong khi các nguồn năng lượng truyền thống như nhiệt điện, thủy điện cơ bản đã khai thác hết. Tình trạng thiếu điện vẫn thường xuyên xảy ra đặc biệt vào mùa khô đồng thời hàng năm Việt Nam phải tiếp tục nhập khẩu điện để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại một số khu vực.

Giá bán điện hiện nay của Việt Nam được đánh giá thấp hơn so với một số nước trong khu vực do được sự hỗ trợ từ các chính sách của Chính Phủ nhằm khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế khác. Tuy nhiên trong những năm tới, bảng giá điện sẽ được phê duyệt tăng thêm sẽ tạo ra thuận lợi lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho các công ty trong ngành năng lượng sạch. Dự báo trong những năm tới, với sự mở cửa thị trường sẽ thu hút thêm nhiều dự án đầu tư mới, đồng thời nhu cầu điện sẽ tăng lên cùng với sự tăng trưởng các khu vực sản xuất và nhu cầu sinh hoạt người dân.

Ngày 18/3/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 428/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là quy hoạch điện VII), theo đó đến năm 2020 nguồn điện sẽ được quy hoạch như sau:

Bảng 8: Quy hoạch phát triển điện Quốc gia

Mục tiêu	ĐVT	2020	2025	2030
Điện thương phẩm	Tỷ kWh	235-245	352-379	506-559
Tỷ lệ năng lượng tái tạo	%	7%		10%
Công suất các nguồn điện	MW			
Thủy điện	MW	21.600	24.600	27.800
Điện gió	MW	800	2.000	6.000
Điện sinh khối	MW	600	1.158	2.720
Năng lượng mặt trời	MW	850	4.000	12.000
Nhiệt điện khí	MW	9.000	15.000	19.000
Nhiệt điện than	MW	26.000	47.600	55.300
Điện hạt nhân	MW			4.600
Cơ cấu nguồn điện	%			
Thủy điện	%	30,1	21,1	16,9
Nhiệt điện than	%	42,7	49,3	42,6
Nhiệt điện khí	%	14,9	15,6	14,7
Năng lượng tái tạo	%	9,9	12,5	21,0
Nhập khẩu	%	2,4	1,5	1,2
Điện hạt nhân	%			3,6

Nguồn: Quyết định 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 điều chỉnh

Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030

Theo đó đến năm 2020 công suất phát và sản lượng điện thương phẩm tăng cao so với thời điểm cuối 2015, trong đó nhiệt điện than vẫn có tốc độ phát triển nhanh và chiếm thị phần lớn trong cơ cấu sở hữu nguồn điện. Song song đó tỷ trọng nguồn phát thủy điện sẽ giảm dần và bổ sung nguồn phát từ năng lượng tái tạo và hạt nhân.

Theo Nghị quyết số 55/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 11/2/2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã có nhiều đột phá trong phát triển năng lượng quốc gia. Trong đó, khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân tham gia phát triển năng lượng.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Với chiến lược phát triển sau cổ phần hoá nói chung và kế hoạch sản xuất kinh doanh nói riêng, nếu Công ty chủ động bám sát các chỉ tiêu kế hoạch từng năm đặt ra, điều hành quyết liệt linh hoạt, có trọng điểm, chủ động ứng phó trước những biến động, hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực và khai thác tốt cơ hội từ thị trường, phát huy tối đa năng lực hiện có thì kế hoạch kinh doanh sau phát hành cổ phiếu ra công chúng là khả thi. Phương án đầu tư và chiến lược của doanh nghiệp phù hợp với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung của thế giới.



8. Chính sách đối với người lao động**8.1. Cơ cấu lao động**

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2020 là 74 người với cơ cấu phân theo trình độ chuyên môn được thể hiện như sau:

Bảng 9: Cơ cấu lao động Công ty

Stt	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo giới tính	74	100,00%
1	Nam	59	79,73%
2	Nữ	15	20,27%
II	Phân theo trình độ chuyên môn	74	100,00%
1	Số lao động có trình độ trên đại học	0	0%
2	Số lao động có trình độ đại học	23	31,08%
3	Số lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp	38	51,35%
4	Số lao động có trình độ khác	13	17,57%
III	Phân theo loại hợp đồng	74	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	43	58,11%
2	Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	28	37,84%
3	Hợp đồng thời vụ	3	4,05%

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai

8.2. Các chính sách đối với người lao động**✚ Chế độ làm việc:**

- Thời giờ làm việc không quá 08 giờ/ngày và không quá 48 giờ/tuần.
- Thời giờ làm việc hàng ngày: Buổi sáng: Từ 7h30 đến 11h30; Buổi chiều: Từ 13h00 đến 17h00.
- Tùy theo thực tế tình hình sản xuất kinh doanh, Công ty có thể điều chỉnh thời giờ làm việc trong ngày và trong tuần cho phù hợp.

✚ Lương, thưởng, phúc lợi:

- Tiền lương bình quân người lao động Công ty trong năm 2019 là 11,4 triệu đồng/người/tháng.
- Công ty đã xây dựng chính sách đãi ngộ công bằng, xét nâng lương định kỳ, trả lương theo năng lực, thưởng theo thành tích, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào sự phát triển của Công ty, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo động lực phấn đấu cho tất cả CBCNV Công ty. Ngoài tiền lương hàng tháng, Công ty còn thực hiện chi trả lương tháng 13, thưởng hiệu quả cuối năm, tặng quà vào các ngày lễ trong năm cho CBCNV.
- Chính sách lương thưởng: Đối với CBNV Bộ phận sản xuất Công ty áp dụng chính sách trả lương khoán theo doanh thu, CBNV khối văn phòng hưởng lương theo chức danh công việc.

- Ngoài mức lương khoán, Công ty khuyến khích lao động bằng khoán thường vào ngày lễ, tết và các dịp đặc biệt và các chính sách phúc lợi, trợ cấp bao gồm: trợ cấp ốm đau, thai sản, tặng quà hoặc hiện kim ngày sinh nhật, kết hôn,... và các chế độ khác áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động.
- Đồng thời thường xuyên soát xét và cải tiến chính sách lương, thưởng cho phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường lao động.
- Quan tâm đến chế độ đời sống CBCNV, tạo điều kiện để hoạt động thuận lợi và phối hợp tốt với công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.

✦ Chính sách đào tạo:

- Công ty đặc biệt chú trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề vì đó là nhân tố quan trọng trong việc tồn tại và phát triển một doanh nghiệp.
- Công ty luôn có cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ xét nâng lương định kỳ theo quy chế lương cho CBCNV của Công ty.
- Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong nước nhằm tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc của cán bộ công nhân viên.

✦ Chính sách tuyển dụng nhân sự:

- Cơ sở cho hoạt động tuyển dụng của Công ty chính là quy trình tuyển dụng công khai, công bằng đối với tất cả các ứng viên. Để tận dụng tối đa thế mạnh về nguồn Nhân lực, Công ty luôn chú trọng xây dựng chế độ, chính sách đối với người lao động cũng như môi trường làm việc phù hợp nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy khả năng và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty áp dụng các chế độ đãi ngộ đối với những nhân sự làm việc xa xứ nhằm động viên, khích lệ tinh thần làm việc của CBCNV. Đặc biệt, Công ty chú ý phát triển nguồn nhân lực địa phương với ưu điểm ổn định cũng như đạt được mục đích tạo thêm việc làm cho con em địa phương.
- Bên cạnh công tác tuyển dụng nhân sự truyền thống, hiện nay, Công ty thực hiện chính sách thu hút nhân tài thông qua các hoạt động tuyển sinh, phối hợp với các đơn vị đào tạo vận hành nhà máy, nhằm phục vụ cho đội ngũ nhân sự làm việc tại các Ban quản lý dự án.

✦ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty có những chính sách đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.

- Xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động cho toàn thể CBCNV.
- Ngoài ra, hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho CBCNV được tham gia khám sức khỏe, tham quan nghỉ mát. Phối hợp với Công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức các phong trào thể thao, văn hóa, văn nghệ, chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV.

9. Chính sách cổ tức

- Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc niên độ tài chính. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ đề trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở: lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.
- Việc chi trả cổ tức được thực hiện căn cứ tình hình thực tế về hoạt động sản xuất kinh doanh và quyết định của Hội đồng quản trị sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bảng 10: Tình hình chi trả cổ tức qua các năm

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức chi trả
2015	30%	Bằng tiền mặt
2016	30%	Bằng tiền mặt
2017	30%	Bằng tiền mặt
2018	30%	Bằng tiền mặt
2019	40%	Bằng tiền mặt

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

10.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

❖ Tình hình tổng nguồn vốn kinh doanh:

Bảng 11: Cơ cấu nguồn vốn kinh doanh giai đoạn 2017 – 30/6/2020

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017		31/12/2018		31/12/2019		30/6/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I	Nợ phải trả	76,29	18%	10,42	24%	768,51	68%	717,59	64%
1	Nợ ngắn hạn	76,29	18%	110,42	24%	99,04	9%	78,59	7%
2	Nợ dài hạn	-	-	-	-	669,47	59%	639,00	57%
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	339,02	82%	352,67	76%	359,57	32%	399,49	36%
Tổng nguồn vốn kinh doanh		415,31	100%	463,09	100%	1.129,36	100%	1.117,08	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm 2017, 2018, 2019 và BCTC soát xét 6 tháng 2020 của GHC

Các khoản nợ phải trả trong năm 2019 và 6 tháng 2020 tăng mạnh so với năm 2018, chiếm tỷ trọng cao so với tổng nguồn vốn kinh doanh, tương ứng tỷ trọng là 64% (với giá trị 717,59 tỷ đồng) trong 6 tháng năm 2020, tỷ trọng là 68% (với giá trị 768,24 tỷ đồng) trong năm 2019 và 24% (với giá trị 40,42 tỷ đồng) trong năm 2018.

❖ Tình hình vốn chủ sở hữu:

Tổng nguồn vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty là 399,49 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2019. Chi tiết vốn chủ sở hữu như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
1	Vốn góp của chủ sở hữu	205,00	205,00	205,00	205,00
2	Quỹ đầu tư phát triển	47,03	60,36	72,42	72,42
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	34,50	34,81	29,65	69,57
Vốn chủ sở hữu		339,02	352,67	359,57	399,49

Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm 2017, 2018, 2019 và BCTC soát xét 6 tháng 2020 của GHC

10.1.2. Trích khấu hao TSCĐ

Công ty tính khấu hao TSCĐ phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi một số điều Thông tư 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:



- Nhà cửa và vật kiến trúc : 13 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị : 03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn : 06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý : 03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất : 40 - 43 năm
- Tài sản khác : 03 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao

10.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 12: Số liệu lao động, tiền lương tại toàn Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2017	2018	2019
Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người	47	68	73
Mức tiền lương bình quân thực hiện	Triệu đồng/tháng/người	14,3	13,41	11,4

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai

10.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn của Công ty luôn được thực hiện đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

10.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, các khoản phí/lệ phí khác... theo quy định của pháp luật. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Thuế Giá trị gia tăng	16.499.723.604	46.180.878.208	17.887.573.555
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	298.068.157	165.594.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.452.077.788	1.631.717.726	1.921.699.534
Thuế nhà đất	-	-	-
Thuế TNDN	7.757.918.115	13.802.357.087	7.623.443.236
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác (thuế TNN & Phí CQKT TNN)	12.058.378.939	12.177.302.176	9.077.643.452
Tổng cộng	37.768.098.446	74.090.323.354	36.675.953.777

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai

10.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Điều lệ Công ty và luật có liên quan. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT.

Bảng 13: Số dư các quỹ của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.374.168.233	11.933.862.640	15.340.919.313	14.048.695.075
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-	-
Quỹ đầu tư và phát triển	47.026.090.100	60.358.777.490	72.419.646.025	72.419.646.025
Tổng cộng	57.400.258.333	72.292.640.130	87.760.565.338	86.468.341.100

Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm 2017, 2018, 2019 và BCTC soát xét 6 tháng 2020 của GHC

10.1.7. Tổng dư nợ vay

Bảng 14: Tình hình vay của công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Vay ngắn hạn	49.986.984.250	43.680.000.000	48.695.329.828
Vay ngân hàng	49.986.984.250	-	1.695.329.828
Vay bên liên quan	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	43.680.000.000	47.000.000.000
Vay dài hạn	-	669.474.711.632	639.000.000.000
Vay ngân hàng	-	669.474.711.632	639.000.000.000
Vay bên liên quan	-	-	-
Tổng cộng	49.986.984.250	713.154.711.632	687.695.329.828

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 – 6T2020 của Công ty CP Thủy Điện Gia Lai

Trong cơ cấu nợ vay năm 2018 của GHC, các khoản nợ có nghĩa vụ thanh toán trong vòng 1 năm (bao gồm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả) chiếm tỷ trọng khá thấp. Sang năm 2019, dư nợ của Công ty lại tăng mạnh do nhu cầu vốn đầu tư cho dự án Điện mặt trời TTC Hàm Phú 2, và tính đến cuối Quý II/2020 dư nợ vay của Công ty là 687,7 tỷ đồng. Nhìn chung, GHC luôn có kế hoạch cụ thể cho kế hoạch kinh doanh, dòng tiền và đầu tư hợp lý để đảm bảo an toàn tài chính của Công ty.

10.1.8. Tình hình công nợ hiện nay

* Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Các khoản phải thu ngắn hạn	65.682.889.098	47.710.166.455	62.723.091.642	78.047.350.735
Phải thu khách hàng	21.619.937.167	16.451.155.183	47.012.202.225	45.505.984.745
Trả trước cho người bán	43.044.000.000	21.612.152.464	1.591.121.741	2.339.646.958
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	14.000.000.000	24.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.018.951.931	9.646.858.808	119.767.676	6.201.719.032
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	65.682.889.098	47.710.166.455	62.723.091.642	78.047.350.735

Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm 2017, 2018, 2019 và BCTC soát xét 6 tháng 2020 của GHC

✦ Các khoản phải trả

Bảng 15: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
Nợ ngắn hạn	76.289.212.720	110.416.769.049	99.039.441.739	78.587.780.801
Phải trả người bán	3.927.400.841	38.913.147.225	30.564.544.858	8.313.823.775
Người mua trả tiền trước	-	-	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.741.410.320	4.510.220.643	3.910.087.066	2.809.124.945
Phải trả người lao động	136.602.794	85.893.562	107.366.625	-
Chi phí phải trả	60.000.000	161.951.325	1.335.964.453	979.554.722
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	51.049.630.532	4.824.709.404	4.100.559.424	3.741.252.456
Vay ngắn hạn	-	49.986.984.250	43.680.000.000	48.695.329.828
Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.374.168.233	11.933.862.640	15.340.919.313	14.048.695.075
Nợ dài hạn	-	-	669.474.711.632	639.000.000.000
Phải trả người bán	-	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	669.474.711.632	639.000.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	-
Tổng cộng	76.289.212.720	110.416.769.049	768.514.153.371	717.587.780.801

Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm 2017, 2018, 2019 và BCTC soát xét 6 tháng 2020 của GHC

Nợ phải trả trong năm 2018 chiếm 23,7% tổng tài sản của Công ty, chủ yếu do Công ty đã thực hiện tái cấu trúc nợ các dự án thủy điện. Sang năm 2019, tỷ trọng nợ phải trả so với tổng tài sản tăng lên 68%, và 6 tháng 2020 là 64%, nguyên nhân là do Công ty đã sử dụng khoản vay dài hạn để tài trợ cho dự án điện mặt trời TTC Hàm Phú 2.

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2017 – 6T2020

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	6T2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	2,57	0,94	0,87	1,19
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	2,54	0,92	0,84	1,09
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
+ Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	18%	24%	68%	64%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	23%	31%	214%	180%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
+ Vòng quay hàng tồn kho					
Giá vốn hàng bán	lần/năm	21,69	22,56	47,68	23,34
Hàng tồn kho bình quân					
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần/năm	0,43	0,36	0,22	0,11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	69,1%	64,5%	38,8%	31,6%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân (ROE)	%	36,1%	29,1%	26,6%	10,5%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bình quân (ROA)	%	29,5%	22,9%	11,9%	3,6%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	75,5%	70,4%	41,4%	32,9%
5. Chỉ tiêu liên quan tới cổ phần					
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	5.320	4.666	4.337	1.947
+ Giá trị sổ sách trên cổ phần	đồng	16.538	17.203	17.540	18.508

Nguồn: BCTC đã KT năm 2017 – 6T/2020 của CTCP Thủy Điện Gia Lai (VCBS tổng hợp)

Hệ số thanh toán nhanh của GHC trong năm 2019 giảm nhẹ so với năm 2018, cụ thể trong năm 2018 chỉ số này là 0,92 trong khi con số này của năm 2019 giảm còn 0,84. Tuy nhiên con số này cũng gần với 1 nên khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn được đảm bảo.

Hệ số nợ của GHC trong năm 2019 tăng mạnh so với năm 2018, cụ thể hệ số nợ trên tổng tài sản của GHC trong năm 2018 là 24% và sang năm 2019 chỉ số này đã tăng lên 68%. Nguyên nhân là do công ty tăng các khoản vay để tài trợ cho nhà máy điện mặt trời TTC- Hàm Phú 2.

Trong năm 2019, do ảnh hưởng của thời tiết nên lợi nhuận của công ty bị sụt giảm kéo theo các hệ số ROA và ROE cũng giảm tương ứng so với năm 2018 nhưng vẫn nằm ở tỷ lệ khá cao. Cuối năm 2019, ROA đạt 12,11% và ROE đạt 27,01% (con số này trong năm 2018 là 22,92% và 29,11%).

11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ủy ban kiểm toán

Bảng 17: Danh sách HĐQT, BGD, Kế toán trưởng, Ủy ban kiểm toán

Stt	Họ và tên	Chức vụ
A	Hội đồng quản trị	
1	Bà Nguyễn Thái Hà	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Hà Quốc Kiệt	Thành viên HĐQT
3	Ông Lê Thanh Vinh	Thành viên HĐQT
4	Ông Hà Nguyên Hoàng	Thành viên HĐQT
5	Ông Mai Văn Nhở	Thành viên HĐQT độc lập
B	Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	
1	Ông Ngô Trường Thành	Giám đốc
2	Bà Châu Tiểu Phụng	Phó Giám đốc
3	Ông Nguyễn Tiến Bằng	Kế toán trưởng
C	Ủy ban kiểm toán	
1	Ông Mai Văn Nhở	Phụ trách

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai

A. Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch HĐQT

❖ Bà Nguyễn Thái Hà

- Họ và tên: Nguyễn Thái Hà
- Số CMND: 012033277
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/11/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 62/7A Nhất Chí Mai, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0269.3830013
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế Phát triển
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2001 đến 2002	Công ty kế toán – Kiểm toán A&C	Chuyên viên
Từ 2002 đến 2012	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Chánh văn phòng
Từ 4/2016 – 4/2017	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	Trưởng ban kiểm soát
Từ 2012 đến nay	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Thành viên HĐQT, PTGD, Chánh văn phòng
Từ 2016 – đến nay	Công ty CP du lịch Thành Thành Công	Phó chủ tịch HĐQT
Từ 10/2018 đến nay	Công ty CP Điện Gia Lai	Tổng Giám đốc
Từ 04/2019 đến nay	Công ty CP Thủy Điện Gia Lai	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Thủy điện Gia Lai: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
 - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc; Chánh văn phòng - Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công
 - Phó chủ tịch HĐQT - CTCP Du lịch Thành Thành Công
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký phát hành:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích của tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký phát hành: Không có

2. Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Hà Quốc Kiệt
- Số CMND: 230507154
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/12/1976
- Nơi sinh: Gia Lai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Phù Mỹ - Bình Định
- Địa chỉ thường trú: Mạc Đĩnh Chi, P. Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại liên lạc: 0269.3830013
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 2003	Thủy điện AYun Hạ	Kỹ thuật viên
Từ 2003 đến 2006	Phòng kỹ thuật Công ty CP Điện Gia Lai	Kỹ thuật viên
Từ 2006 đến 2013	Phòng Quản lý sản xuất Công ty CP Điện Gia Lai	Phó phòng
Từ 2013 đến 2016	Chi nhánh Điện TTC Chư Prông	Giám đốc
Từ 2016 đến 2017	Chi nhánh TTC Hồ Chí Minh	Giám đốc
Từ 2017 đến 2018	Công ty cổ phần Năng lượng TTC Công ty cổ phần Điện gió Mê Kông	Phó giám đốc kỹ thuật Giám đốc
Từ 2018 đến 2019	Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Phó Giám đốc Khối năng lượng
Từ 03/2018 đến nay	Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai	Thành viên HĐQT
Từ 11/2019 – nay	Công ty CP Điện Gió Tiền Giang	Giám đốc Công ty
Từ 11/2019 – nay	Công ty CP Điện Gia Lai	Phó Giám đốc Khối phát triển dự án

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy Điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Phó Giám đốc Khối phát triển dự án - Công ty CP Điện Gia Lai
 - Giám đốc Công ty CP Điện Gió Tiền Giang
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phiếu bằng 0,02% vốn điều lệ của CTCP Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của CTCP Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không

3. Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Lê Thanh Vinh
- Số CMND: 024919225
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/03/1975
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 147A Trần Văn Quang, P.10, Quận Tân Bình, TP HCM
- Số điện thoại liên lạc: (0269) 382 3604
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế Phát triển
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 1/2003	Giảng viên	Khoa Tài chính - Trường Cao đẳng Tài chính Kế toán IV - TP HCM
Từ 1/2003 đến 9/2005	Phó giám đốc	Kinh doanh Công ty TNHH Nam Long
Từ 9/2005 đến 10/2007	Giám đốc Đầu tư và Phát triển Kinh doanh	Công ty Phát Đạt và Công ty NAI Việt Nam
Từ 10/2007 đến 8/2009	Tổng giám đốc	Công ty Bất động sản Liên Minh và Quỹ đầu tư Ingate Capital
Từ 8/2009 đến 9/2012	Phó Tổng giám đốc	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
Từ 2013 đến 12/2015	Phó Tổng giám đốc - Phụ trách Dự án Bất động sản	CTCP Hoa Lâm
Từ 1/2016 đến 2/2017	Tổng Giám đốc và Phó Tổng giám đốc	LDG và KN Group - Phát triển Bất động sản
Từ 2017 đến 2019:	Chủ tịch HĐQT	CTCP Năng lượng TTC
Từ 3/2017 đến nay Từ 6/2020 đến nay	Phó Tổng giám đốc	CTCP Điện Gia Lai Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy Điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0% VDL
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
- Sở hữu của Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương theo chính sách Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

4. Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Hà Nguyễn Hoàng
- Số hộ chiếu: 211739931 Ngày cấp: 25/01/2010
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1983
- Nơi sinh: Ân Mỹ - Hoài Ân - Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Ân Mỹ - Hoài Ân - Bình Định
- Địa chỉ thường trú: Ân Mỹ - Hoài Ân - Bình Định
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tự động hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2005 đến 2009	Công ty Điện Gia Lai	Nhân viên phòng KT - VT - XDCB
Từ 2009 đến 2013	Công ty CP Điện Gia Lai	Phó phòng Kỹ thuật
Từ 2013 đến 01/2015	Công ty CP Điện Gia Lai	PGĐ, Giám đốc, TT PTCN
Từ 01/2015 đến 2017	Công ty CP Điện Gia Lai	Giám đốc khối Kỹ thuật
Từ 2014 - nay	Công ty CP Thủy Điện Gia Lai	Thành viên HĐQT
Từ 2017 đến nay	Công ty CP đầu tư Thành Thành Công	Giám đốc Khối năng lượng
Từ 2019 đến nay	Công ty CP Điện Thủy điện Trường Phú	Thành viên HĐQT
Từ 2019 đến nay	Công ty TNHH MTV xây lắp và cơ điện Gia Lai	Chủ tịch Công ty
Từ 2019 đến nay	Công ty CP Điện Gia Lai	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Giám đốc Khối năng lượng Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
 - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Điện Gia lai
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai
 - Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Thủy điện Trường Phú
 - Sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phiếu bằng 0,73% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: không

5. Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Mai Văn Nhớ
- Số CMND: 331637183
- Nơi cấp : Vĩnh Long
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/06/1988
- Nơi sinh: Vĩnh Thuận – Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú: 69 Vĩnh Bình, xã Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long
- Số điện thoại liên lạc: 0382035153
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán; Cử nhân Ngôn ngữ Anh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/2011 đến 08/2015	Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ	Chuyên viên kiểm toán Báo cáo tài chính
Từ 09/2015 đến 05/2017	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (Thành viên của RSM International)	Trưởng nhóm kiểm toán Báo cáo tài chính
Từ 06/2017 đến nay	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Chuyên viên cấp trung kiểm toán nội bộ
Từ 4/2019 đến nay	Công ty CP Năng Lượng TTC	Thành viên Ban kiểm soát
Từ 4/2019 đến nay	Công ty CP Thủy Điện Trường Phú	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 04/2019 đến nay	Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập kiêm Phụ trách Ủy Ban Kiểm toán - Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - Chuyên viên cấp trung kiểm toán nội bộ - Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công
 - Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Năng Lượng TTC
 - Trưởng Ban kiểm soát CP Thủy Điện Trường Phú
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký phát hành:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích của tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký phát hành: Không có

B. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Giám đốc:

- Họ và tên: Ngô Trường Thành
- Số CMND: 093082000162 Ngày cấp: 11/4/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLCT
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/02/1982
- Nơi sinh: Hậu Giang

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long Thành, Phụng Hiệp, Hậu Giang
- Địa chỉ thường trú: Số 46, đường số 3, An Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2004-2005	Công ty TNHH Hồng Tuấn	Kỹ thuật viên điện lạnh
Từ 2005 đến 2006	Công ty TNHH Metro Hưng Lợi	Tư vấn kỹ thuật
Từ 2006 đến 2009	Tổng công ty lắp máy Việt Nam Lilama, BDA Khó điện Nhơn trạch 1	Giám sát điện
Từ 2009 - 2010	Công ty System Electric Việt Nam	Chỉ huy trưởng công trường
Từ 2010 - 2013	Tổng Công ty dịch vụ kỹ thuật dầu khí PTSC	Tổ trưởng tổ điện phòng thiết kế
Từ 2013 - 2014	Công ty AP Singapore	Trưởng nhóm thi công điện tàu FPSO
Từ 2014 - 2018	Tổng Công ty dịch vụ kỹ thuật dầu khí PTSC	Trưởng phòng thiết kế NM nhà máy nhiệt điện Long Phú 1
Từ 2018 – 7/2020	Công ty cổ phần điện Gia Lai	Phó ban điện mặt trời, Trợ lý PTGD, GD nhà máy ĐMT TTC Đức Huệ 1
Từ tháng 8/2020 -nay	Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai	Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký phát hành:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty CP Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích của tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký phát hành: Không có

2. Phó Giám đốc:

- Họ và tên: **Châu Tiểu Phụng**
- Số CMND: 321293512 Ngày cấp: 04/10/2013 Nơi cấp: Bến Tre
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/05/1989
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Hoa
- Quê quán: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: Xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, Bến Tre
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2013-2019	Công ty CP đầu tư Thành Thành Công	Phó giám đốc Hỗ trợ
Từ 2019 – nay	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	Giám đốc HCQT
Từ tháng 3/2020 -nay	Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai	Phó Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác: Giám đốc HCQT - Công ty cổ phần điện Gia Lai
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký phát hành:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty CP Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích của tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký phát hành: Không có

3. Kế toán trưởng

- Họ và tên: Nguyễn Tiến Bằng
- Số CMND: 230623797 Ngày cấp: 09/09/2019 Nơi cấp: Gia Lai
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/06/1986
- Nơi sinh: Pleiku – Gia Lai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: 75 Tôn Thất Thuyết, phường Thống Nhất, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/2008 đến 05/2014	Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai	Kế toán
Từ 05/2017 đến 10/2016	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	Chuyên viên Kế toán quản trị
Từ 05/2014 đến 10/2015	Công ty TNHH GKC	Kế toán trưởng
Từ 11/2016 đến nay	Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán
Từ 08/2019 đến nay	Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai	Kế toán trưởng – Trưởng phòng kế toán

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký phát hành:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích của tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký phát hành: Không có

C. Ủy ban kiểm toán**1. Phụ trách Ủy Ban kiểm toán**

❖ Ông Mai Văn Nhó: đã trình bày ở trên

12. Tài sản

Giá trị TSCĐ theo báo cáo tài chính của Công ty đến thời điểm 30/06/2020 như sau:

Bảng 18: Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/06/2020

Đơn vị: đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	1.276.957.514.296	292.707.597.659	984.249.916.637
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	412.002.831.977	121.694.236.429	290.308.595.548
2	Máy móc, thiết bị	748.948.977.751	133.560.604.198	615.388.373.553
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	50.510.278.591	3.758.030.424	46.752.248.167
4	Thiết bị quản lý	1.659.032.003	464.615.225	1.194.416.778
6	Súc vật và cây lâu năm	285.885.000	71.471.250	214.413.750
7	Tài sản khác	63.550.508.974	33.158.640.133	30.391.868.841
II	Tài sản cố định vô hình	21.141.871.369	1.060.936.240	20.080.935.129
1	Quyền sử dụng đất	20.580.567.431	966.882.623	19.613.684.808
2	Phần mềm máy tính	561.303.938	94.053.617	467.250.321
3	Tài sản cố định vô hình khác	-	-	-

Nguồn: BCTC soát xét 6 tháng 2020 của GHC

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020**Bảng 19: Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2020**

Chỉ tiêu	Năm 2020	
	Kế hoạch (tỷ đồng)	SS TH năm 2019
Doanh thu thuần	291,56	118,74%
Lợi nhuận sau thuế	95,98	101,29%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	32,89%	85,23%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	26,6%	101%
Cổ tức	40%	114,28%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020 Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai

- Phối hợp thực hiện các công tác quản lý vận hành nhà máy đạt hiệu quả cao nhất.
- Tăng cường công tác bảo trì bảo dưỡng các thiết bị tại nhà máy, giám sát thường xuyên công tác cắt cỏ, vệ sinh tấm pin để đảm bảo hiệu suất phát điện cao nhất.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi chế độ vận hành hệ thống thiết bị để kịp thời xử lý các bất thường, sự cố phát sinh, đảm bảo vận hành nhà máy được liên tục.
- Rà soát, đánh giá các sự cố đã xảy ra trong năm 2019 để có phương án xử lý kịp thời nhằm giảm thiểu tối đa việc sự cố ảnh hưởng đến doanh thu nhà máy.

❖ **Hoạt động tài chính – đầu tư:**

- Đảm bảo thanh khoản và thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ tiền bán điện, trả gốc, lãi vay từ các ngân hàng theo đúng kỳ hạn;
- Xây dựng kế hoạch tài chính cụ thể. Tương tác thường xuyên với các tổ chức tín dụng để chủ động về nguồn vốn, đảm bảo thanh khoản khi triển khai đầu tư và lãi suất ưu đãi cho các dự án;
- Lập phương án sử dụng vốn tăng thêm để đảm bảo doanh thu và chi phí từ hoạt động tài chính theo kế hoạch được duyệt.
- Thực hiện rà soát và tiết giảm chi phí nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tiếp tục triển khai công tác đào tạo cán bộ quản lý tham gia công tác quản trị điều hành tại các Công ty thành viên, các đối tượng đầu tư.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai cùng với việc phân tích ngành, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) cho rằng, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai trong năm 2020 là phù hợp với thực tế kinh doanh của Công ty và có tính khả thi cao.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam lưu ý rằng những nhận xét của VCBS chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. VCBS khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý VCBS bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phần phát hành

Không có

V. CỔ PHẦN CHÀO BÁN**1. Loại cổ phần**

Cổ phần phổ thông.

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng/cổ phần).

3. Tổng số cổ phần dự kiến chào bán

Tổng số cổ phần dự kiến phát hành là 10.250.000 (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn) cổ phần.

4. Đối tượng chào bán

Cổ đông hiện hữu.

5. Giá chào bán

Giá chào bán là 25.000 đồng/cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019.

6. Phương pháp tính giá

Phương pháp tính giá áp dụng theo Điều 125 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Giá thị trường: bình quân giá đóng cửa cổ phiếu GHC trong 6 tháng gần nhất (tính đến ngày 10/09/2020) là 34.500 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ báo cáo tài chính của Công ty đến thời điểm 30/06/2020, giá trị sổ sách là: 19.487 đồng/cổ phiếu và căn cứ báo cáo tài chính của Công ty do GHC lập đến thời điểm 31/12/2019, giá trị sổ sách là: 17.540 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ vào tình hình thị trường đồng thời nhằm đảm bảo đợt phát hành thành công, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 25.000 đồng/cổ phần, cao hơn 42,5% so với giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 và thấp hơn 28% so với giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm 10/9/2020.

7. Phương thức phân phối

10.250.000 cổ phiếu GHC sẽ được phát hành cho cổ đông hiện hữu theo ngày chốt danh sách cổ đông theo tỷ lệ 2:1.

8. Thời gian phân phối cổ phần

Thời gian phân phối cổ phần được thực hiện sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phần ra công chúng nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Công ty nhận được giấy chứng nhận chào bán cổ phần của UBCKNN cấp. Trong trường hợp kết thúc 90 ngày nhưng Công ty cần thêm thời gian để phân phối cổ phần, Công ty sẽ xin Ủy ban chứng khoán Nhà nước gia hạn thêm thời gian chào bán cổ phần nhưng không quá 30 ngày.

Bảng 20: Lộ trình phân phối cổ phần

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Nhận giấy phép đăng ký chào bán chứng khoán từ UBCKNN	D
2	CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D đến D + 7
3	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền đặt mua	D + 10 đến D + 30
5	Tổng hợp danh sách	D + 41
8	Gửi báo cáo kết quả chào bán cổ phần cho UBCKNN	D + 52
9	Trao giấy chứng nhận sở hữu cho nhà đầu tư mua thành công	D + 52 đến D + 70

9. Đăng ký mua cổ phần

Thời gian đăng ký mua cổ phần phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phần. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký mua cụ thể trong Bản thông báo phát hành cổ phần Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai do Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai ban hành, đảm bảo thời gian đăng ký cổ phần cho nhà đầu tư tối thiểu 20 ngày theo đúng quy định.

Phương thức thanh toán tiền đăng ký mua cổ phần được thực hiện theo Bản thông báo phát hành cổ phần Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai do Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai ban hành.

Chuyển giao cổ phần: toàn bộ số lượng cổ phần bán thành công sẽ phát hành và chuyển giao cho nhà đầu tư sau khi Công ty báo cáo kết quả Phát hành cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Quyền lợi người mua cổ phần: cổ phần phát hành là cổ phần phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tuân theo Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và theo thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty hiện tại là 49%

Hiện tại, tỷ lệ sở hữu người nước ngoài tại Công ty là: 2,25%. Công ty cam kết sau đợt chào bán Công ty không tăng tỷ lệ nắm giữ của người đầu tư nước ngoài. Đồng thời, Công ty xác định với ngành nghề bán buôn thực phẩm không phải là ngành nghề chính cũng như Công ty không kinh doanh trong lĩnh vực này, vì vậy Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 06 năm 2020 đã thông qua việc bãi bỏ ngành nghề kinh doanh này.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Số lượng cổ phần phát hành lần đầu trong đợt chào bán lần này là cổ phần phổ thông. Riêng đối với cổ phiếu không bán hết do Hội đồng Quản trị phân phối lại cho các đối tượng khác thì bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại mục 3, khoản 7, Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 và Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty về việc hạn chế chuyển nhượng số lượng cổ phần không bán hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

12. Các loại thuế có liên quan**12.1. Đối với Công ty****✦ Thuế giá trị gia tăng:**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Kinh doanh nước sạch: 05%
- Dịch vụ cho thuê hạ tầng ký hợp đồng trước năm 2004: 05%
- Các dịch vụ khác: 10%

✦ Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế hiện hành là: 20%

✦ Các loại thuế khác:

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

12.2. Đối với nhà đầu tư**✦ Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2013 thì:

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân

- Bao gồm thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:
 - Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
 - Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
- Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
- Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay nước ngoài.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

✦ Đối với nhà đầu tư tổ chức:

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phần như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phần = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.
- Thuế suất = Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chi mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phần như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phần = Tổng giá trị cổ phần bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần

Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần lần này sẽ được nộp vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần của Công ty, cụ thể như sau:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai.
- Số tài khoản: 0291000361420
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Gia Lai

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**1. Mục đích chào bán**

Đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 05 tháng 12 năm 2019, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 06 năm 2020, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2020/NQ-HĐQT ngày 06/03/2020 nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho các Dự án của Công ty và bổ sung vốn lưu động của Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai.

2. Phương án khả thi Dự án**2.1 Hợp tác đầu tư với các tổ chức/cá nhân sở hữu mái nhà**

Điện mặt trời mái nhà là một trong những hệ thống năng lượng tái tạo đang được chính phủ khuyến khích các đơn vị phát triển nhằm gia tăng nguồn cung cho hệ thống điện quốc gia. Đặc biệt hệ thống điện mặt trời có công suất dưới 1MWp đặc biệt được ưu tiên phát triển với nhiều chính sách ưu đãi về giá bán, thủ tục/giấy phép triển khai...

a) Hồ sơ pháp lý dự án

STT	Dự án	Công Suất (kWp)	Hồ sơ pháp lý
1	Xã Điện Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa	993,6	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 1413/UBND-NN của UBND huyện Phong Điền đồng ý cho triển khai thực hiện dự án

STT	Dự án	Công Suất (kWp)	Hồ sơ pháp lý
	Thiên Huế		<p>Trồng nấm của ông Trần Nguyễn Quốc Huy;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và ông Trần Nguyễn Quốc Huy.
2	Xã Ia Me, huyện Chư Prong, tỉnh Gia Lai	993,6	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 1237/UBND-NL của UBND huyện Chư Prong chấp thuận cho Ông Võ Duy Luân đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp (Trang trại nấm tại xã Ia Me); - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và ông Võ Duy Luân.
3	Xã Chư Gu, huyện Krong Pa, tỉnh Gia Lai	993,6	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 942/UBND-KT của UBND huyện Krong Pa chấp thuận chủ trương xây dựng dự án Trồng nấm của ông Huỳnh Văn Phúc; - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và ông Huỳnh Văn Phúc.
4	Xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	993,6	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 1431/UBND-VP của UBND huyện Ia Pa về việc đầu tư xây dựng Trang trại tại trồng nấm của ông Võ Duy Luân; - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và ông Võ Duy Luân.
5	Xã Ia Le, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	993,6	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 976/UBND-NL của UBND huyện Chư Pưh thống nhất chủ trương triển khai đầu tư Dự án sản xuất nông nghiệp của ông Võ Duy Luân; - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và ông Võ Duy Luân.
6	Xã H'ông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	993,6	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 1529/UBND-KTTH của UBND huyện Chư Sê chấp thuận chủ trương đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp của ông Võ Duy Luân;

STT	Dự án	Công Suất (kWp)	Hồ sơ pháp lý
			- Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và ông Võ Duy Luân.
7	Xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	993,6	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 1430/UBND-VP của UBND huyện Ia Pa về việc đầu tư xây dựng Trang trại trồng nấm của ông Nguyễn Hoàng Quốc Sĩ; - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và ông Nguyễn Hoàng Quốc Sĩ.
8	Xã Sông Bình, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	993,6	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 1634/UBND-SX của UBND huyện Bắc Bình cho phép ông Phạm Minh Dương đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp (Trồng nấm); - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và ông Phạm Minh Dương.
9	Xã Ia Me, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	993,6	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 1238/UBND-NL của UBND huyện Chư Prông cho phép ông Phạm Thành Tuấn Anh đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp (Trồng nấm); - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và ông Phạm Thành Tuấn Anh.
10	Xã Lơ Pang, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	993,6	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 866/UBND-KT ngày 28/08/2019 của UBND huyện Mang Yang cho phép Bà Bùi Thị Thúy Hằng đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp (Trồng nấm); - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và Bà Bùi Thị Thúy Hằng.
11	Xã Lơ Pang, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	993,6	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 867/UBND-KT ngày 28/08/2019 của UBND huyện Mang Yang cho phép Ông Nguyễn Trung Phong đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp (Trồng nấm);

STT	Dự án	Công Suất (kWp)	Hồ sơ pháp lý
			- Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và ông Ông Nguyễn Trung Phong.
12	Xã Bàu cạn, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	993,6	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 2079/UBND-NL ngày 31/12/2019 của UBND huyện Chư Prông cho phép Ông Huỳnh Văn Phúc đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp (Trồng nấm); - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và Ông Huỳnh Văn Phúc.
13	Xã Hà Tây, Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	993,6	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 3345/UBND-KT ngày 18/09/2019 của UBND huyện Chư Păh cho phép Ông Nguyễn Hoàng Quốc Sĩ đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp (Trồng nấm); - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và Ông Nguyễn Hoàng Quốc Sĩ.
14	Xã Hà Tây, Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	993,6	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 3346/UBND-KT ngày 18/09/2019 của UBND huyện Chư Păh cho phép Ông Võ Duy Luân đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp (Trồng nấm); - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và Ông Võ Duy Luân.
15	Xã Ia Băng, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	993,6	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản số 1849/UBND-KT ngày 06/11/2019 của UBND huyện Đăk Đoa cho phép Ông Nguyễn Mạnh Quân đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp (Trồng nấm); - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và Ông Nguyễn Mạnh Quân.
16	Xã Tân Phước Hưng, huyện	993,6	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản 2761/UBND-CN ngày 25/09/2019 của

STT	Dự án	Công Suất (kWp)	Hồ sơ pháp lý
	Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (Hậu Giang 2)		UBND huyện Phụng Hiệp cho phép Ông Ngô Trường Thành đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp (Trồng nấm); - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và Ông Ngô Trường Thành.
17	Xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (Hậu Giang 3)	993,6	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; - Văn bản 2761/UBND-CN ngày 25/09/2019 của UBND huyện Phụng Hiệp cho phép Ông Ngô Trường Thành đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp (Trồng nấm); - Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án nông nghiệp kết hợp điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và Ông Ngô Trường Thành.
	Tổng Cộng	16.891	

b) Hình thức đầu tư

Hợp tác đầu tư với các tổ chức/cá nhân đang sở hữu mái nhà có diện tích lớn nêu trên để phát triển các dự án điện mặt trời theo hợp tác đầu tư dự án điện mặt trời trên mái nhà giữa CTCP Thủy điện Gia Lai và các tổ chức/cá nhân. Với các nội dung cơ bản như sau:

- ❖ Cơ cấu vốn đầu tư:
 - GHC góp chi phí xây dựng và thiết bị.
 - Các tổ chức/cá nhân đang sở hữu mái nhà: góp chi phí đất đai và chi phí khác.
- ❖ Thời hạn hợp tác: 20 năm.
- ❖ Phân chia lợi nhuận:
 - Lợi nhuận hàng năm của dự án sẽ được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:
 - + Thanh toán các nghĩa vụ đối với nhà nước.
 - + Thanh toán các nghĩa vụ tài chính và các khoản vay.
 - + Thanh toán chi phí khác theo xác nhận của hai bên.
 - Phần còn lại sẽ được phân chia cho Các bên theo tỷ lệ góp vốn.
 - Tùy tình hình hoạt động kinh doanh, các bên có thể thống nhất trích lại một khoản lợi nhuận để lập quỹ tái đầu tư.

c) Tổng mức đầu tư của dự án:

Việc huy động vốn đợt này dùng để triển khai các hạng mục, cụ thể:

- Chi phí xây dựng;
- Mua sắm vật tư, thiết bị;
- Và các chi phí khác liên quan đến dự án.

Tổng mức đầu tư (bao gồm VAT) đối với các dự án điện mái nhà là **334.909.000.000** đồng, cụ thể:

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Suất đầu tư 1 MW	Tổng giá trị
1	Chi phí xây dựng	6.647.300.000	113.004.000.000
2	Chi phí thiết bị	11.878.240.000	201.930.000.000
3	Chi phí khác	1.175.000.000	19.975.000.000
	Tổng mức đầu tư	19.700.540.000	334.909.000.000

Ghi chú: Tổng mức đầu tư đang tính toán trên cơ sở sử dụng tấm pin 345Wp và công suất lắp đặt dự kiến là 1 MWp

- Nguồn vốn đối ứng huy động từ phát hành cổ phiếu dự kiến khoảng 219,139 tỷ đồng
- Vốn góp của các tổ chức/cá nhân sở hữu mái nhà: 15,300 tỷ đồng
- Nguồn vốn vay dự kiến khoảng 100,470 tỷ đồng

d) Kết quả kinh doanh và hiệu quả tài chính

- NPV: 64,72 tỷ đồng
- IRR: 14,02%
- Thời gian hoàn vốn: 12 năm
- Tiến độ thực hiện dự kiến:
 - Ký hợp đồng: Quý 4 năm 2020
 - Hoàn thành đưa vào sử dụng: Quý 1 năm 2021

2.2 Bổ sung vốn lưu động

Bổ sung nguồn vốn lưu động hoạt động của Công ty số tiền: 37,111 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Dự án	Số tiền
1	Mua sắm vật tư thiết bị dự phòng, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp máy móc thiết bị...	30,000
2	Chi phí sản xuất kinh doanh	7,111
	Tổng	37,111

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phần dự kiến 256,250 tỷ đồng sẽ được dùng để làm vốn đối ứng để triển khai việc Hợp tác đầu tư với các tổ chức hoặc cá nhân đang sở hữu mái nhà có diện tích lớn để phát triển các dự án điện mặt trời và Bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty.

❖ **Số tiền dự kiến thu được trong trường hợp chào bán thành công**

Trường hợp Công ty chào bán hết 10.250.000 cổ phần với giá chào bán 25.000 đồng/cổ phần thì tổng số tiền dự kiến thu được là 256.250.000.000 đồng.

❖ **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Trường hợp chào bán thành công thì tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến là 256,25 tỷ đồng sẽ được sử dụng để đầu tư cho các dự án mới của GHC đến năm 2020, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Dự án đầu tư	Cơ cấu vốn			Thời gian phát hành dự kiến	
		Nguồn vốn đối ứng huy động từ phát hành cổ phiếu dự kiến	Vốn Vay dự kiến	Nguồn vốn góp của cá nhân (đất)		Tổng mức Đầu tư dự kiến
1	Hợp tác đầu tư với các tổ chức/cá nhân đang sở hữu mái nhà có diện tích lớn để phát triển các dự án điện mặt trời tại các tỉnh: tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Gia Lai, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Hậu Giang.	219,139	100,470	15,300	334,909	Năm 2020
2	Bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty	37,111				Năm 2020
	Tổng Cộng	256,250	100,470	15,300	334,909	

Cụ thể:

❖ **Về Hợp tác đầu tư phát triển Dự án điện mặt trời**

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Dự án	Tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ với GHC, người nội bộ và Cổ đông liên quan của GHC	Công Suất (kWp)	TMDT (trước VAT)	TMDT (sau VAT)	Vốn góp dự kiến của GHC	Vốn góp dự kiến của cá nhân	Vốn vay dự kiến
1	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Điện Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Ông Trần Nguyễn Quốc Huy	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
2	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Ia Me, huyện Chư Prong, tỉnh Gia Lai	Ông Võ Duy Luân	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
3	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Chư Gu, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Ông Huỳnh Văn Phúc	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
4	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ông Võ Duy Luân	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
5	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Ia Le, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Ông Võ Duy Luân	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
6	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã H' Bông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Ông Võ Duy Luân	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00

Stt	Dự án	Tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ với GHC, người nội bộ và Cổ đông liên quan của GHC	Công Suất (kWp)	TMDT (trước VAT)	TMDT (sau VAT)	Vốn góp dự kiến của GHC	Vốn góp dự kiến của cá nhân	Vốn vay dự kiến
7	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ông Nguyễn Hoàng Quốc Sĩ	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
8	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Sông Bình, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Ông Phạm Minh Dương	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
9	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Ia Me, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Ông Phạm Thành Tuấn Anh	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
10	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Lơ Pang, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Bà Bùi Thị Thúy Hằng	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
11	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Lơ Pang, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Ông Nguyễn Trung Phong	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
12	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Bàu	Ông Huỳnh Văn	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00

Stt	Dự án	Tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ với GHC, người nội bộ và Cổ đông liên quan của GHC	Công Suất (kWp)	TMDT (trước VAT)	TMDT (sau VAT)	Vốn góp dự kiến của GHC	Vốn góp dự kiến của cá nhân	Vốn vay dự kiến
	ạn, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Phúc							
13	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Hà Tây, Chư Păh, Gia Lai	Ông Nguyễn Hoàng Quốc Sĩ	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
14	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Hà Tây, Chư Păh, Gia Lai	Ông Võ Duy Luân	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
15	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Ia Băng, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	Ông Nguyễn Mạnh Quân	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
16	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (Hậu Giang 2)	Ông Ngô Trường Thạnh	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00
17	Dự án nông nghiệp kết hợp rooftop tại xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng	Ông Ngô Trường Thạnh	Không	993,6	17.991,00	19.700,54	12.890,54	900,00	5.910,00

Stt	Dự án	Tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ với GHC, người nội bộ và Cổ đông liên quan của GHC	Công Suất (kWp)	TMDT (trước VAT)	TMDT (sau VAT)	Vốn góp dự kiến của GHC	Vốn góp dự kiến của cá nhân	Vốn vay dự kiến
	Hiệp, tỉnh Hậu Giang (Hậu Giang 3)								
Tổng Cộng				16.891	305.847,00	334.909,18	219.139,18	15.300,00	100.470,00

❖ Về Bổ sung Vốn lưu động:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Dự án	Giá trị
1	Mua sắm vật tư thiết bị dự phòng, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp máy móc thiết bị...	30.000
2	Chi phí sản xuất kinh doanh	7.111
Tổng		37.111

Tuỳ theo điều kiện thực tế triển khai các dự án, số tiền huy động vốn từ đợt phát hành sẽ được điều chỉnh phân bổ cho các dự án nhằm mang lại hiệu quả tối đa cho Công ty. Trong trường hợp nguồn vốn huy động còn thừa sau khi phân bổ cho các dự án, nguồn vốn này sẽ được sử dụng để tái cấu trúc vốn tại Công ty hoặc bổ sung vốn lưu động.

❖ Phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn dự kiến từ việc chào bán cổ phiếu phục vụ cho mục đích sử dụng vốn:

Trường hợp Công ty không thu đủ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán nêu trên, thì Công ty sẽ đàm phán lại với các Ngân hàng/ Tổ chức tín dụng khác để tài trợ vốn thêm cho các nhu cầu đầu tư bị thiếu hụt.

❖ Phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết:

Theo Khoản 3 Điều 9 trong Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 và được sửa đổi bổ sung tại Mục 3 Khoản 7 Điều 1 trong Nghị Định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ quy định về xử lý trong trường hợp chào bán không hết cổ phiếu:

“Trường hợp tổ chức phát hành thực hiện chào bán một phần trong tổng số cổ phần đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định (trừ trường hợp chào bán cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ sở hữu của họ trong công ty hoặc chào bán cho

người lao động), thì phải bảo đảm điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của cổ đông không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại Hội đồng cổ đông có chấp thuận khác. Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phải xác định tiêu chí, danh sách các nhà đầu tư này theo các quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. Số cổ phiếu chào bán nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.”

Theo đó, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT được toàn quyền nghiên cứu, đàm phán và quyết định việc chào bán số cổ phiếu cổ đông hiện hữu từ chối mua cho đối tượng khác tại thời điểm phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**1. Tổ chức tư vấn****CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**❖ **Trụ sở chính:**

- ✓ Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- ✓ Điện thoại: (024) 3934 3137 Fax: (024) 3936 0262
- ✓ Website: www.vcbs.com.vn
- ✓ Email: vcbs@vcbs.com.vn

❖ **Chi nhánh tại Tp.Đà Nẵng:**

- ✓ Địa chỉ: Tầng 12, số 135 Nguyễn Văn Linh, P. Vĩnh Trung, Thanh Khê, Đà Nẵng
- ✓ Điện thoại: (0511) 3888 991 Fax: (0511) 3888 881

❖ **Chi nhánh tại Tp.Hồ Chí Minh:**

- ✓ Địa chỉ: 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh
- ✓ Điện thoại: (028) 3820 8790 Fax: (028) 3820 0508

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24/02/2002. Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 09/GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 24/02/2002.

2. Tổ chức kiểm toán• **Tổ chức kiểm toán năm 2017- 2020**

CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Lầu 8 Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38230796

IX. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN

Trong những năm qua, tuy tình hình kinh tế suy giảm, khó khăn nhưng doanh nghiệp vẫn duy trì được hiệu quả kinh doanh ổn định, biên lợi nhuận sau thuế, thu nhập trên mỗi cổ phiếu và cổ tức được chia luôn ở mức cao trong tình hình khó khăn nói chung.

Với khối lượng cổ phiếu chào bán vừa phải, giá chào bán hợp lý và phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu, đợt chào bán cổ phiếu lần này dự báo sẽ tạo động lực mới trong phát triển doanh nghiệp trong thời gian tới. Với phương án chào bán cổ phiếu khá thận trọng, kế hoạch kinh doanh rõ ràng và cam kết về việc đưa cổ phiếu giao dịch trên thị trường tập trung của doanh nghiệp sau đợt phát hành lần này. VCBS tin rằng, đợt chào bán cổ phiếu lần này là khả thi. Tuy nhiên, trên cơ sở thận trọng, dưới góc độ của tổ chức tư vấn VCBS xin lưu ý đến các Nhà đầu tư do đợt chào bán lần này không có tổ chức bảo lãnh phát hành nên có khả năng sẽ không phân phối hết số cổ phiếu đăng ký chào bán như dự kiến.

VCBS lưu ý rằng những nhận xét của VCBS chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý VCBS bảo đảm đợt chào bán cổ phiếu sẽ thành công 100%. Các nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư và kết quả đầu tư của mình.

X. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Phụ lục 2: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty.
- Phụ lục 3: BCTC đã kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC bán niên soát xét 6 tháng đầu năm 2020
- Phụ lục 4: Tài liệu các dự án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán
- Phụ lục 5: Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2019 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/12/2019
Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/06/2020
- Phụ lục 6: Bản hợp lệ các Nghị quyết HĐQT thông qua triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng và hồ sơ chào bán

85
T
A
H
A
G

Gia Lai, ngày 16 tháng 10 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN THÁI HÀ

GIÁM ĐỐC

NGÔ TRƯỜNG THẠNH

KÊ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN TIẾN BẰNG

Handwritten text in red ink at the bottom right corner.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG
TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VCBS)
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH



TRẦN QUỐC VIỆT